

**NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDHASSA**



BÀI GIẢNG VỀ

BỘ PHÁP TỤ -

DHAMMASAṄGAṄĪ

22 ĐẦU ĐỀ TAM - BĀVĪSATI TIKAMĀTIKĀ

Room Daltalk: PhatgiaonamtruyenNT

THỜI GIAN: 24.02.2023 - 15.09.2023

GIẢNG SƯ: THẦY KING MILANDA A

Trình bày sơ đồ: FB ChauNguyen

SƠ LƯỢC BỘ ABHIDHAMMA

Để tỏ lòng tri ân với Mẹ, lúc bấy giờ đã qua đời và tái sinh vào Cõi Trời Tusitā (Đâu Suất Đà)

Đức Phật đã đến ngự Đao Lợi Thiên (Tavātimsa), vào hạ thứ 7 của Ngài, thuyết giảng liên tiếp trong suốt ba tháng (của nhân loại), với hội chúng gồm có Thiên Mẫu Māyā và 800 triệu Thiên Chúng đến thính Pháp.

- Đức Thế Tôn sau khi tỏ ý hiện bày Song Thông để hàng phục Đạo Sĩ Nigantha phía dưới tàng cây xoài một cách hoàn mãn, tiếp nối theo lập ý nghĩ suy rằng:

+ Tất cả Chư Phật trong thời quá khứ, sau khi đã thực hiện hoàn tất Song Thông trong thời an cư kiết vũ (mùa mưa) vào hạ thứ 7, thì thường đi an cư ngự tại Quốc Độ nào đó.

+ Đức Phật sẽ đến ngự Đao Lợi Thiên để lập ý tỏ bày đền đáp ân đức của người Mẹ, và Đức Phật sẽ thuyết giảng Pháp Vô Tỷ đủ trọn vẹn ba tháng với cả 7 bộ.

- Đức Thế Tôn khởi ý đưa bàn chân bên phải bước lên trên ngọn cây xoài, bàn chân trái bước lên trên đỉnh núi của Càn Thát Bà, bàn chân thứ ba lên tới Cõi Đao Lợi Thiên - là nơi an ngự của Vua Trời Đế Thích.

- Ngài đến ngự Cõi Đao Lợi Thiên, thẳng tới lên ngự bảo tọa của Vua Trời Đế Thích, chỗ ngồi bằng đá phía dưới tàng cây san hô.

- Tất cả Chư Thiên đều biến hóa cho thân nhỏ lại bằng như phân tử, nguyên tử, có thể chỉ là bằng chót lông của linh dương độ một phần mười, một phần hai mươi cũng có, cho đến bằng một phần trăm cũng có.

- Đức Phật không thấy Thiên mẫu nên hỏi Đế Thích: *Này Đại Vương, bậc Thiên Chủ, Như Lai hỏi rằng Hoàng Hậu Māyā là Thiên Mẫu của Như Lai sao vẫn chưa đến ngự hoặc vì lý do chi?*

- Thiên Chủ liền rời khỏi Thiên Cung, du hành đi đến Cõi Đâu Suất Đà nói với Hoàng Hậu Māyā (thiên tử Sandusita Sathita).

“Tôi đến trình thưa với Ngài, bậc tiến hóa với sự an lành, hiện tại Đức Phật đang ngự tại trú xứ của tôi, ngự tại thạch bảo tọa Pandukambala, dưới tàng cây san hô, có ý chờ đợi để thuyết giảng Giáo Pháp, kính mời Ngài hãy mau đến yết kiến”

- Hoàng hậu hỏi: đấng Hoàng nhi của Ta có hình thể sắc diện dung nhan như thế nào? Hoàng nhi của Ta có hình tướng tương tự như Phạm Thiên hoặc là có hình tướng ra sao? Hình trạng vận phục như thế nào? Có thấy hào quang của Hoàng nhi của Ta ở thể loại nào? Ngài có được thấy như thế nào thì xin hãy nói cho Ta được biết tường tận.

- Đế Thích Thiên Vương đáp lời Thiên Mẫu Māyā đã vấn hỏi, với lời nói rằng: “Sắc diện dung nhan của Đức Thế Tôn thì không thể nào kiếm được lời nào để chỉ trích cho rằng không tốt đẹp, đấng Hoàng nhi của Ngài thì không thể nào tìm được một người nào để so sánh kể cả Tam Giới, thân thể tô điểm với 32 tướng tốt và 80 tướng phụ của bậc Đại Nhân, có hào quang sáu màu phún tỏa khắp cả châu thân Đức Thế Tôn, có âm thanh êm dịu hội đủ tám chi phần, không thể tìm kiếm người để so sánh bằng được.”

Đức Phật gọi Phật Mẫu hãy đến chỗ này đây, hãy chú ý quán sát thấy thế nào về phần thân quyền sắc diện dung nhan này là vô thường. Thiên Mẫu Māyā nghe như thế liền đi đến hàng đầu của tất cả Hội Chúng Thiên và ngồi xuống. Đức Phật bi mẫn thuyết giảng Diệu Pháp với tất cả bảy bộ của Tạng Vô Tỷ Pháp, với bộ Pháp Tụ, v.v...

TẠNG ABHIDHAMMA CÓ BẢY BỘ:

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. DHAMMASAṄGAṆI | - Bộ Pháp Tụ |
| 2. VIBHAṄGA | - Bộ Phân Tích |
| 3. DHĀTUKATHĀ | - Bộ Chất Ngữ |
| 4. PUGGALAPAÑÑATTI | - Bộ Nhơn Chế Định |
| 5. KATHĀVATTHU | - Bộ Ngữ Tông |
| 6. YAMAKA | - Bộ Song Đối |
| 7. PAṬṬHĀNA | - Bộ Vị Trí |

DHAMMASAṄGAṆI - Pháp Tụ, là bộ khởi đầu; qui tụ những mẫu đề chính yếu - Mātikā.

Đức Phật thuyết trọn mười hai ngày, trong thời gian ba tháng an cư tại Cung Đạo Lợi - Tāvātimsa, gồm có 1300 pháp uẩn - Dhammakhandha, 987 đoạn - Pabba, bốn chương - Kaṇḍa:

- a/ Cittupādakaṇḍam - Chương Tâm sanh
- b/ Rūpakaṇḍam - Chương Sắc
- c/ Nikkhepakaṇḍam - Chương Toát yếu
- d/ Atthuddhārikaṇḍam - Chương Trích yếu

Bộ Dhammasaṅgaṇi, nội dung xoay chuyển quanh ba loại mẫu đề (mātikā) là:

- Mẫu đề tam - TIKAMĀTIKĀ
- Mẫu đề nhị - DUKAMĀTIKA
- Mẫu đề kinh - SUTTANTAMĀTIKĀ.
- + Mẫu Đề Tam: có 22 Đề, mỗi đề 3 câu = 66 câu pháp
- + Mẫu Đề Nhị: có 100 đề, mỗi đề 2 câu = 200 câu pháp
- + Mẫu Đề Kinh: có 42 đề, mỗi đề 2 câu = 48 câu pháp

* DHAMMASAṄGAṆI là một Bộ Luận có giá trị then chốt, là chìa khóa để mở cửa kho tàng Vô tỷ pháp và là một cẩm nang cho các hành giả tu Tuệ, muốn thấu đáo tinh tường đề mục tu tập như: Danh sắc, Ngũ uẩn, Trạng thái Tâm, Sở hữu tâm, Sắc pháp./.

22 ĐẦU ĐỀ TAM - Bāvisati Tikamātikā

1. TAM ĐỀ
THIỆN -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp thiện

b/ Chư pháp bất
thiện

c/ Chư pháp vô ký

KUSALĀTIKA

a/ Kusalā dhammā

b/ Akusalā dhammā

c/ Abyākatā dhammā

2. TAM ĐỀ
THỌ - Hàm
tận mà Hữu
dư

a/ Chư pháp tương
ung lạc thọ

b/ Chư pháp tương
ung khổ thọ

c/ Chư pháp tương
ung phi khổ phi lạc
thọ

VEDANATIKA

a/ Sukhāya vedanāya
sampayuttā dhammā

b/ Dukkhāya vedanāya
sampayuttā dhammā

c/ Adukkhamasukhāya
vedanāya
sampayuttā
dhammā

3. TAM ĐỀ
QUẢ - Chiết
bán mà Vô
dư

a/ Chư pháp dị thực

b/ Chư pháp dị
thực nhân

c/ Chư pháp phi dị
thực phi dị thực
nhân

VIPĀKATIKA

a/ Vipākā dhammā

b/ Vipāka
dhammadhammā

c/ Nevavipākanavipāka
dhammadhammā

4. TAM ĐỀ
THỦ - Chiết
bán mà Vô
dư

a/ Chư pháp thành
do thủ cảnh thủ

b/ Chư ác pháp phi
thành do thủ mà
cảnh thủ

c/ Chư pháp phi
thành do thủ và phi
cảnh thủ

**UPĀDINNATI
KA**

a/ Upādiṇṇupādāniyā
dhammā

b/ Anupādiṇṇupādāniyā
dhammā

c/ Anupādiṇṇānupādāniyā
dhammā

5. TAM ĐỀ
PHIỀN TOÁI
- Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp phiền
toái cảnh phiền não

b/ Chư pháp phi
phiền toái mà cảnh
phiền não

c/ Chư pháp phi
phiền toái và phi
cảnh phiền não

SANKILIṬṬHA
TIKA

a/ Saṃkiliṭṭhasaṃkilesikā
dhammā

b/ Asaṃkiliṭṭhasaṃkilesikā
dhammā

c/ Asaṃkiliṭṭhāsaṃkilesikā
dhammā

6. TAM ĐỀ
HỮU TÂM -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp hữu
tâm hữu tứ

b/ Chư pháp vô
tâm hữu tứ

c/ Chư pháp vô tâm
vô tứ

SAVITAKKA
TIKA

a/ Savitakkasavicārā
dhammā

b/ Avitakkavicāramattā
dhammā

c/ Avitakkaavicārā
dhammā

7. TAM ĐỀ
HỖ - Chiết
bán mà
Hữu dư

a/ Chư pháp câu
hành hỷ

b/ Chư pháp câu
hành lạc

c/ Chư pháp câu
hành xả

PĪṬĪTIKA

a/ Pīṭisahagatā dhammā

b/ Sukhasahagatā
dhammā

c/ Upekkhāsahagatā
dhammā

8. TAM ĐỀ
SƠ ĐẠO -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp đáng
do tri kiến đoạn trừ

b/ Chư pháp đáng
do tu tiến đoạn trừ

c/ Chư pháp không
đáng tri kiến,
không đáng tu tiến
đoạn trừ

UPĀDINNA
TIKA

a/ Dassanena pahātabbā
dhammā

b/ Bhāvanāya pahātabbā
dhammā

c/ Neva dassanena na
bhāvanāya pahātabbā
dhammā

9. TAM ĐỀ
HỮU NHÂN
SƠ ĐẠO -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp hữu
nhân đáng do tri
kiến đoạn trừ

b/ Chư pháp hữu
nhân đáng do tu
tiến đoạn trừ

c/ Chư pháp hữu
nhân đáng do tri
kiến tu tiến đoạn
trừ

**DASSANA-
HETUTIKA**

a/ Dassanena
pahātabbahetukā
dhammā

b/ Bhāvanāya
pahātabbahetukā
dhammā

c/ Neva dassanena na
bhāvanāya
pahātabbahetukā
dhammā

10. TAM ĐỀ
NHÂN
SANH TỬ -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp nhân
đến tích tập

b/ Chư pháp nhân
đến tịch diệt

c/ Chư pháp phi
nhân đến tích tập
phi nhân đến tịch
diệt

**ĀCAYAGĀMI
TIKA**

a/ Ācayagāmino dhammā

b/ Apacayagāmino
dhammā

c/ Nevācayagāmināpacaya
gāmino dhammā

11. TAM ĐỀ
HỮU HỌC -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp hữu
học

b/ Chư pháp vô học

c/ Chư pháp phi
hữu học phi vô
học.

SEKKHATIKA

a/ Sekkhā dhammā

b/ Asekkhā dhammā

c/ Nevasekkhanāsekkhā
dhammā

12. TAM ĐỀ
THIỆU -
Chiết bán
mà Vô dư

a/ Chư pháp hy
thiếu

b/ Chư pháp đáo
đại

c/ Chư pháp vô
lượng.

PARITTATIKA

a/ Parittā dhammā

b/ Mahaggatā dhammā

c/ Appamāṇā dhammā

13. TAM ĐỀ
CẢNH
THIẾU -
Chiết bán
mà **Hữu dư**

a/ Chư pháp có
cảnh hy thiếu

b/ Chư pháp có
cảnh đáo đại

c/ Chư pháp có
cảnh vô lượng

**PARITTĀRAM
MAṆĀTIKA**

a/ Parittārammaṇā
dhammā

b/ Mahaggatārammaṇā
dhammā

c/ Appamāṇārammaṇā
dhammā

14. TAM ĐỀ
TY HẠ -
Chiết bán
mà **Vô dư**

a/ Chư pháp ty hạ

b/ Chư pháp trung
bình

c/ Chư pháp tinh
lượng

HĪNATIKA

a/ Hīnā dhammā

b/ Majjhimā dhammā

c/ Paṇītā dhammā

15. TAM ĐỀ
TÀ - Chiết
bán mà **Vô
dư**

a/ Chư pháp có
định phần tà

b/ Chư pháp có
định phần chánh

c/ Chư pháp phi có
định.

**MICCHATTA
TIKA**

a/ Micchattaniyatā
dhammā

b/ Sammattaniyatā
dhammā

c/ Aniyatā dhammā

16. TAM ĐỀ
ĐẠO
THÀNH
CẢNH -
Chiết bán
mà **Hữu dư**

a/ Chư pháp có đạo
là cảnh

b/ Chư pháp có đạo
là nhân

c/ Chư pháp có đạo
là trưởng.

**MAGGĀRAM
MAṆĀTIKA**

a/ Maggārammaṇā
dhammā

b/ Maggahetukā dhammā

c/ Maggādhīpatino
dhammā

17. TAM ĐỀ
SINH TỒN -
Chiết bán
mà **Hữu dư**

a/ Chư pháp hiện
sinh

b/ Chư pháp vị
sinh

c/ Chư pháp chuẩn
sinh

**UPPANNA
TIKA**

a/ Uppannā dhammā

b/ Anuppannā dhammā

c/ Uppādinno dhammā

18. TAM ĐỀ
QUÁ KHỨ -
Chiết bán
mà **Hữu dư**

a/ Chư pháp quá
khứ

b/ Chư pháp vị lai

c/ Chư pháp hiện
tại

ATĪTATIKA

a/ Atītā dhammā

b/ Anāgatā dhammā

c/ Paccuppannā dhammā

19. TAM ĐỀ
CẢNH QUÁ
KHỨ - Chiết
bán mà
Hữu dư

a/ Chư pháp có
cảnh quá khứ

b/ Chư pháp có
cảnh vị lai

c/ Chư pháp có
cảnh hiện tại

**ATĪTĀRAM
MANATIKA**

a/ Atītārammaṇā dhammā

b/ Anāgatārammaṇā
dhammā

c/ Paccuppannārammaṇā
dhammā

20. TAM ĐỀ
NỘI PHẦN -
Chiết bán
mà **Hữu dư**

a/ Chư pháp nội
phần

b/ Chư pháp ngoại
phần

c/ Chư pháp nội
ngoại phần

**AJJHĀTTĀ
TIKA**

a/ Ajjhattā dhammā

b/ Ahiddhā dhammā

c/ Ajjhatabhiddhā
dhammā

21. TAM ĐỀ
CẢNH NỘI
PHẦN -
Chiết bán
mà **Hữu dư**

a/ Chư pháp có
cảnh nội phần

b/ Chư pháp có
cảnh ngoại phần

c/ Chư pháp có
cảnh nội ngoại
phần.

**AJJHĀTTĀ
RAMMAṆA
TIKA**

a/ Ajjhātārammaṇā
dhammā

b/ Bahiddhārammaṇā
dhammā

c/ Ajjhatabhiddhāram
maṇā dhammā

22. TAM ĐỀ
HỮU KIẾN -
Chiết bán
mà **Vô dư**

a/ Chư pháp hữu
kiến hữu đối chiếu

b/ Chư pháp vô
kiến hữu đối chiếu

c/ Chư pháp vô
kiến vô đối chiếu

**SANIDASSANA
TIKA**

a/ Sanidassanasappaṭighā
dhammā

b/ Anidassanasappaṭighā
dhammā

c/ Anidassanaappaṭighā
dhammā

DVĀDASĀYATANĀNI
MƯỜI HAI XỨ

1/ Cakkhāyatanam	Nhãn xứ (Tk nhãn)	7/ Rūpāyatanam	Sắc xứ (sắc cảnh sắc)
2/ Sotā-yatanam	Nhĩ xứ (Tk nhĩ)	8/ Saddāyatanam	Thinh xứ (sắc cảnh thính)
3/ Ghāṇāyatanam	Tỷ xứ (Tk tỷ)	9/ Gandhāyatanam	Khí xứ (sắc cảnh khí)
4/ Jivhāyatanam	Thiệt xứ (Tk thiệt)	10/ Rasāyatanam	Vị xứ (sắc cảnh vị)
5/ Kāyayata-nam	Thân xứ (Tk thân)	11/ Phoṭṭhabbāyatanam	Xúc xứ (sắc cảnh xúc)
6/ Manāyatanam	Ý xứ (89 hoặc 121 tâm)	12/ Dhammāyatanam	Pháp xứ (52ts, 16 sắc tế, NB)

AṬṬHĀRASADHĀTUYO
MƯỜI TÁM GIỚI

1/ Cakkhudhātu	Nhãn giới (Tk nhãn)	11/ Cakkhuvīññādhātu	Nhãn thức giới (2 nhãn thức)
2/ Sotadhātu	Nhĩ giới (Tk nhĩ)	12/ Sotavīññādhātu	Nhĩ thức giới (2 nhĩ thức)
3/ Ghāṇadhātu	Tỷ giới (Tk tỷ)	13/ Ghāṇavīññādhātu	Tỷ thức giới (2 tỷ thức)
4/ Jivhādhātu	Thiệt giới (Tk thiệt)	14/ Jivhāvīññādhātu	Thiệt thức giới (2 thiệt thức)
5/ Kāyadhātu	Thân giới (Tk thân)	15/ Kāya-viññādhātu	Thân thức giới (2 thân thức)
6/ Rūpadhātu	Sắc giới (sắc cảnh sắc)	16/ Manodhātu	Ý giới (KNM, 2TT)
7/ Saddadhātu	Thinh giới (sắc cảnh thính)	17/ Dhammadhātu	Pháp giới (52ts, 16 sắc tế, NB)
8/ Gandhadhātu	Khí giới (sắc cảnh khí)	18/ Mano-viññādhātu	Ý thức giới (121 tâm - NST - 3 Ý giới)
9/ Rasadhātu	Vị giới (sắc cảnh vị)		
10/ Phoṭṭhabba-dhātu	Xúc giới (đất, lửa, gió)		

DHAMMASANGANĪ - BỘ PHÁP TỰ

HAI MƯƠI HAI ĐẦU ĐỀ TAM BĀVĪSATI TIKAMĀTIKĀ

Có 22 đề; Mỗi đề có 3 câu được phân ra:

HÀM TẬN hoặc CHIẾT BÁN

+ HÀM TẬN:

- Hàm: khắp cả, đều, hết thảy
 - Tận: hết, cạn, xong tới chỗ cuối cùng
- Hàm Tận: là lấy hết tất cả, lấy trọn 3 câu

+ CHIẾT BÁN:

- Chiết: trừ bớt, chiết khấu
- Chiết Bán: lấy câu đầu trong 3 câu làm đề tài

VÔ DƯ hoặc HỮU DƯ

+ **VÔ DƯ**: lấy hết Chi pháp Chân để không dư sót cả 3 câu

+ **HỮU DƯ**: lấy các Chi pháp nhưng không hết còn dư lại (*lấy không hết Pháp Chân để trong cả 3 câu*)

CÓ 4 CÁCH PHÂN THEO BÀI

1/ Hàm tận
Vô dư

2/ Hàm tận
Hữu dư

3/ Chiết bán
Vô dư

4/ Chiết bán
Hữu dư

1/ TAM ĐỀ THIỆN – KUSALĀTIKA:

Chiết bán mà Vô dư
CHIẾT BÁN: lấy câu đầu trong 3 câu làm đề tài

VÔ DƯ: lấy hết Chi pháp Chân để không dư sót cả 3 câu

a/ Chư pháp thiện - KUSALĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp bất thiện - AKUSALĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp vô ký - ABYĀKATĀ DHAMMĀ

**1a/ Chư pháp
thiện**
KUSALĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM: 37 tâm** (8 tâm thiện DGTH, 5 thiện Sắc giới, 4 thiện Vô sắc giới, 20 thiện Siêu thế)

↪ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13 tâm sở tợ tha, 25 tâm sở tịnh hảo)

**TẤT CẢ
PHÁP
THIỆN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:** (không tính sắc uẩn vì Sắc uẩn không thuộc Pháp thiện)

* **Thọ uẩn:** sở Thọ hiệp trong 37 tâm thiện

* **Tưởng uẩn:** sở Tưởng hiệp trong 37 tâm thiện

* **Hành uẩn:** 11 TSTT (13TSTT trừ Thọ, Tưởng) và 25 TSTH

* **Thức uẩn:** 37 (hoặc 21) tâm thiện

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

* **Ý xứ:** 37 tâm thiện (8 tâm thiện DGTH, 5 thiện SG, 4 thiện VSG, 20 thiện siêu thế)

* **Pháp xứ:** 38 tâm sở (13 TSTT, 25 TSTH)

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

* **Ý thức giới:** 37 tâm thiện (8 tâm thiện DGTH, 5 thiện SG, 4 thiện VSG, 20 thiện siêu thế)

* **Pháp Giới:** 38 tâm sở (13 TSTT, 25 TSTH)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế** (Tập đế: là tâm sở Tham không có trong Pháp thiện, còn Diệt đế là Niết bàn nên cũng không tính vào) **gồm:**

* **Khổ đế:** 17 tâm (37 tâm – 20 thiện ST), 38 tâm sở: vì nó là pháp Hiệp thế, có sanh diệt, vô thường, khổ

* **Đạo đế:** 8 chi đạo trong 4 (20) tâm đạo
(TS Tuệ quyền (Chánh kiến), TS Tàm (Chánh Tư duy),
TS Giới phần (Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng),
TS Niệm (Chánh niệm), TS Càn (Chánh tinh tấn), TS
Nhất hành (Chánh định)

🗑️ **NGOẠI ĐẾ:** Ngoài tâm sở Bát chánh kể trên là NGOẠI ĐẾ (không phải là Tứ diệu đế)

1b/ Chư pháp Bất thiện

AKUSALĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM: 12 tâm Bất thiện** (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si)

↪ **TÂM SỞ: 27 tâm sở** (13 tâm sở tợ tha, 14 tâm sở bất thiện)

TẤT CẢ

PHÁP

BẤT

THIỆN

TÍNH

THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp trong 12 tâm bất thiện
- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hiệp trong 12 tâm bất thiện
- * **Hành uẩn:** 11 tâm sở Tợ tha (13TSTT - Thọ, Tướng) và 14 tâm sở bất thiện
- * **Thức uẩn:** 12 tâm Bất thiện

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 12 tâm Bất thiện
- * **Pháp xứ:** 27 tâm sở (13 TSTT, 14 TSBT)

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 27 tâm sở (13 TSTT, 14 TSBT)
- * **Ý thức giới:** 12 tâm Bất thiện

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế** (không có Diệt đế - Niết bàn; và không có Đạo đế - Bát chánh đạo), gồm:

- * **Khổ đế:** 12 tâm Bất thiện + 26 tâm sở (13 TSTT, 14 TSBT – ts Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham (nguyên nhân sanh ra sự Khổ)

1c/ Chư pháp Vô ký

ABYĀKATĀ
DHAMMĀ

↪ **TÂM: 72 Tâm Vô Ký**, gồm **52 tâm Quả** (15 tâm Quả VN, 8 tâm Quả thiện DGTH, 5 tâm quả SG, 4 tâm quả VSG, 20 tâm quả Siêu thế), **20 tâm duy tác** (3 tâm Duy tác VN, 8 tâm Duy tác DGTH, 5 tâm Duy tác SG, 4 tâm Duy tác VSG)

↪ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13 TSTT, 25 TSTH)

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
KÝ TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
 - * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp trong 72 tâm Vô ký
 - * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hiệp trong 72 tâm Vô ký
 - * **Hành uẩn:** 11 tâm sở Tợ tha (13TSTT trừ Thọ, Tưởng) và 25 tâm sở Tịnh hảo
 - * **Thức uẩn:** 72 tâm Vô ký
- NGOẠI UẨN: Niết bàn**

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- + **5 Ngoại xứ:** **Sắc xứ** (sắc cảnh sắc), **Thinh xứ** (sắc cảnh thinh), **Khí xứ** (sắc cảnh khí), **Vị xứ** (sắc cảnh vị), **Xúc xứ** (sắc cảnh xúc: đất, lửa, gió)
- + **5 Nội xứ:** **Nhãn xứ** (sắc thân kinh nhãn), **Nhĩ xứ** (sắc thân kinh nhĩ), **Tỷ xứ** (sắc thân kinh tỷ), **Thiệt xứ** (sắc thân kinh thiệt), **Thân xứ** (sắc thân kinh thân)
- + **Ý xứ:** 72 tâm Vô ký
- + **Pháp Xứ:** 25 TSTH, 13TSTT, 16 sắc tế, Niết bàn

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Sắc giới** (SCS), **Thinh giới** (SCT), **Khí giới** (SCK), **Vị giới** (SCV), **Xúc giới** (đất, lửa, gió)
- * **Nhãn giới** (TK nhãn); **Nhĩ giới** (TK nhĩ); **Tỷ giới** (TK tỷ); **Thiệt giới** (TK thiệt); **Thân giới** (TK thân)
- * **Nhãn thức giới** (2 tâm nhãn thức); **Nhĩ thức giới** (2 tâm nhĩ thức); **Tỷ thức giới** (2 tâm tỷ thức); **Thiệt thức giới** (2 tâm thiệt thức); **Thân thức giới** (2 tâm thân thức)
- * **Ý giới:** KNM, 2 Tiếp đầu
- * **Pháp giới:** 13TSTT, 25TSTH, 16 sắc tế, Niết bàn
- * **Ý thức giới:** 59 tâm Vô ký còn lại (72 tâm Vô ký - NST - 3 Ý giới)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế (không có Tập đế và không có Đạo đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 52 tâm Vô ký Hiệp thế (72 tâm Vô ký - 20 tâm Quả Siêu thế), 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH) hợp với tâm Vô ký Hiệp thế, 28 Sắc pháp
- * **Diệt đế:** Niết bàn

🌸 **NGOẠI ĐẾ:** Đối với 20 tâm Quả Siêu thế + 36 Tâm Sở phối hợp (38TS - Vô lượng phần (bi, tùy hỷ)) hiệp với tâm Quả Siêu thế là NGOẠI ĐẾ.

2/ TAM ĐỀ THỌ - VEDANATIKA: *Hàm Tận mà Hữu Dư*

Lấy hết cả 3 pháp này thì được gọi là Hàm tận, tuy nhiên không lấy hết tất cả pháp Chân đế, chỉ lấy 1 phần tương ứng với nó nên gọi là Hữu dư

Có 3 Thọ: Khổ (ưu), Lạc (hỷ) và Xả

a/ Chư pháp tương ứng Lạc thọ - SUKHĀYA VEDANĀYA SAMPAYUTTĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp tương ứng Khổ thọ - DUKKHĀYA VEDANĀYA SAMPAYUTTĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp tương ứng Phi khổ Phi lạc thọ - ADUKKHAMASUKHĀYA VEDANĀYA SAMPAYUTTĀ DHAMMĀ

2a/ Chư pháp tương ứng Lạc thọ - SUKHĀYA VEDANĀYA SAMPAYUTTĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM: 63 tâm** (4 tham thọ Hỷ, 1 Thân thức thọ lạc, 1 Quan sát thọ Hỷ, 1 UCVT Hỷ, 12 tâm DGTH Hỷ, 12 Sơ Nhị Tam Tứ Thiên Sắc giới, 16 tâm Đạo Siêu thế Hỷ, 16 tâm Quả Siêu thế Hỷ)

↪ **TÂM SỞ: 46 Tâm sở** (13 TSTT trừ Thọ, 4 Si phần, 3 Tham phần, 2 Hôn phần, 25 TSTH)

CÁC PHÁP TƯƠNG ƯNG LẠC THỌ TÍNH THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 3 uẩn** (không tính Sắc & Thọ uẩn), gồm:

- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hiệp trong 63 tâm Lạc thọ
- * **Hành uẩn:** 45 tâm sở hiệp trong 63 tâm Lạc thọ
- * **Thức uẩn:** 63 tâm tương ứng Lạc thọ

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 63 tâm tương ứng Lạc thọ
- * **Pháp Xứ:** 46 tâm sở tương ứng Lạc thọ

↪ **18 GIỚI: có 3 giới, gồm:**

- * **Thân thức giới:** tâm Thân thức thọ Lạc
- * **Pháp giới:** 46 tâm sở tương ứng Lạc thọ
- * **Ý thức giới:** 62 tâm tương ứng Lạc thọ (63 tâm trừ Thân thức giới)

CÁC
PHÁP
TƯƠNG
ƯNG
LẠC THỌ
TÍNH
THEO

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế** (không có Diệt đế vì là Niết bàn),
gồm:

* **Khổ đế:** 31 tâm hiệp thể tương ứng Lạc thọ (gồm 63 tâm trừ 16 tâm đạo Siêu thế, 16 tâm quả Siêu thế), 45 tâm sở tương ứng Lạc thọ (trừ tâm sở Tham)

* **Tập đế:** tâm sở tham hiệp với 4 tâm Tham thọ Hỷ

* **Đạo đế:** 8 tâm sở Bát chánh đạo hợp trong 16 Tâm Đạo (gồm TS Tuệ quyền - Chánh kiến, TS Tàm - Chánh Tư duy, TS Giới phần - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, TS Niệm - Chánh niệm, TS Cần - Chánh tinh tấn, TS Nhất hành - Chánh định)

🌸 **NGOẠI ĐẾ:** các Tâm sở cùng hợp với 16 tâm đạo thọ Hỷ + 16 tâm quả Siêu thế (ngoài tâm sở Bát chánh) là **NGOẠI ĐẾ**

17.03.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/1008565206784058>

2b/ Chư pháp
tương ứng Khổ
thọ - DUKKHĀYA
VEDANĀYA
SAMPAYUTTĀ
DHAMMĀ

↪ **TÂM:** 3 tâm tương ứng khổ thọ (2 tâm sân, tâm Thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân)

↪ **TÂM SỞ:** 21 Tâm sở (13 TSTT trừ Hỷ, Thọ; 4 Si phần, 4 Sân phần, 2 Hôn phần)

CÁC
PHÁP
TƯƠNG
ƯNG
KHỔ
THỌ
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 3 uẩn** (không tính Sắc & Thọ uẩn), gồm:

* **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hiệp với 2 tâm sân, tâm Thân thức thọ khổ quả bất thiện

* **Hành uẩn:** 20 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tưởng, Hỷ; 4 Si phần, 4 Sân phần, 2 Hôn phần) phối với tâm tương ứng Khổ thọ

* **Thức uẩn:** 3 tâm (2 tâm sân, tâm Thân thức thọ khổ quả bất thiện)

↪ **12 XỨ: có 2 xứ,** gồm:

* **Ý xứ:** 3 tâm (2 tâm sân, tâm Thân thức thọ khổ quả bất thiện)

* **Pháp Xứ:** 21 Tâm sở (13 TSTT trừ Hỷ, Thọ; 4 Si phần, 4 Sân phần, 2 Hôn phần)

**CÁC
PHÁP
TƯƠNG
ƯNG
KHỔ
THỌ
TÍNH
THEO**

↪ **18 GIỚI: có 3 giới, gồm:**

- * **Thân thức giới:** tâm Thân thức thọ Khổ
- * **Pháp giới:** 21 Tâm sở (13 TSTT trừ Hỷ, Thọ; 4 Si phần, 4 Sân phần, 2 Hôn phần) tương ứng Lạc thọ
- * **Ý thức giới:** 2 tâm sân

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế**

- * **Khổ đế:** 2 tâm sân + Thân thức thọ khổ + 21 tâm sở tương ứng

**2c/ Chư pháp
tương ứng Phi
Khổ Phi Lạc Thọ -**

**ADUKKHAMASUKHĀYA
VEDANĀYA
SAMPAYUTTĀ
DHAMMĀ**

↪ **TÂM: 55 tâm** (4 tham thọ xả, 2 tâm si, 4 đôi thức trừ cặp thân thức, 2 tiếp thủ, 2 quan sát thọ xả, 2 tâm khai môn, 12 tâm DGTH xả, 3 thiền sắc giới, 12 VSG, 8 tâm siêu thế)

↪ **TÂM SỞ: 46 Tâm sở** (gồm 13 TSTT trừ Hỷ, Thọ; 4 si phần, 3 tham phần, 2 hôn phần, 1 Hoài nghi, 25 TSTH)

**CÁC
PHÁP
TƯƠNG
ƯNG PHI
KHỔ PHI
LẠC THỌ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 3 uẩn (không có Sắc & Thọ uẩn), gồm:**

- * **Tướng uẩn:** sở Tướng tương ứng 55 tâm Thọ Xả
- * **Hành uẩn:** 45 tâm sở (46ts – ts Tướng)
- * **Thức uẩn:** 55 tâm (4 tham thọ xả, 2 tâm si, 4 đôi thức trừ cặp thân thức, 2 tiếp thủ, 2 quan sát thọ xả, 2 tâm khai môn, 12 tâm DGTH xả, 3 thiền sắc giới, 12 VSG, 8 tâm ST)

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 55 tâm tương ứng Thọ Xả
- * **Pháp Xứ:** 46 Tâm sở

↪ **18 GIỚI: có 7 giới, gồm:**

- * **Nhãn thức giới** (2 tâm nhãn thức);
- * **Nhĩ thức giới** (2 tâm nhĩ thức);
- * **Tỷ thức giới** (2 tâm tỷ thức);
- * **Thiệt thức giới** (2 tâm thiệt thức);
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 46 Tâm sở
- * **Ý thức giới:** có 44 tâm (55 tâm – 4 đôi thức – 3 ý giới)

CÁC

PHÁP

TƯƠNG

ƯNG PHI

KHỔ PHI

LẠC THỌ

TÍNH

THEO

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế** (không có Diệt đế vì là Niết bàn),
gồm:

* **Khổ đế:** 47 tâm + 45 tâm sở (46ts trừ ts Tham)

* **Tập đế:** tâm sở Tham

* **Đạo đế:** 8 tâm sở Bát chánh phối hợp Tâm Đạo (gồm TS Tuệ quyền - Chánh kiến, TS Tâm - Chánh Tư duy, TS Giới phần - Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, TS Niệm - Chánh niệm, TS Cần - Chánh tinh tấn, TS Nhất hành - Chánh định)

🌀 Các tâm sở cùng hợp với Tâm đạo ngoài ra là NGOẠI ĐẾ.

Ghi chú: Tính theo Chi Thiền thì mới trừ Tầm, Tứ, Hỷ .../
Nhưng tính theo Chi Đạo thì phải có đủ Bát Chánh đạo (vì phải đắc thiền rồi mới đắc đạo được).

BÁT CHÁNH ĐẠO ĐỒNG SANH TRONG TÂM ĐẠO

**3/ TAM ĐỀ QUẢ -
VIPĀKATIKA:**

Chiết bán mà Vô dư

a/ Chư pháp dị thực Quả - VIPĀKĀ DHAMMĀ

**b/ Chư pháp dị thực nhân
VIPĀKADHAMMADHAMMĀ**

**c/ Chư pháp phi dị thực Quả phi dị thực
Nhân
NEVAVIPĀKANAVIPĀKADHAMMADHAMMĀ**

**3a/ Chư pháp dị
thực Quả**

VIPĀKĀ DHAMMĀ

Là những pháp
thành tựu được do
nghiệp biệt thời
NĀNAKKHANIKAKAMMA
= dị thực Quả

↪ **TÂM: 52 tâm** (gồm 15 tâm quả vô nhân, 8 tâm quả thiện DGTH, 5 tâm quả SG, 4 tâm quả VSG, 20 tâm quả Siêu thế)

↪ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (gồm 13 tâm sở Tợ tha, 25 tâm sở Tịnh hảo)

TẤT CẢ

CÁC

PHÁP DỊ

THỰC

QUẢ

TÍNH

THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * Thọ uẩn: tâm sở Thọ phối hợp 52 tâm Quả
- * Tưởng uẩn: tâm sở Tưởng phối hợp 52 tâm Quả
- * Hành uẩn: 36 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tưởng; 25 TSTH)
- * Thức uẩn: 52 tâm quả

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * Ý xứ: 52 tâm quả
- * Pháp Xứ: 38 tâm sở

↪ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**

- * Nhân thức giới (2 tâm nhân thức);
- * Nhĩ thức giới (2 tâm nhĩ thức);
- * Tỷ thức giới (2 tâm tỷ thức);
- * Thiệt thức giới (2 tâm thiệt thức);
- * Thân thức giới (2 tâm thân thức);
- * Ý giới: chỉ tính 2 tâm tiếp xúc
- * Pháp giới: 38 Tâm sở
- * Ý thức giới: 40 tâm (52 tâm quả - 5 đôi thức - 2 ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP DỊ
THỰC
QUẢ
TÍNH
THEO**

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 là Khổ đế** (không có Tập đế (ts Tham), Diệt đế (Niết bàn), Đạo đế)

* **Khổ đế:** 32 tâm quả hiệp thế (gồm 15 tâm quả vô nhân, 8 tâm quả thiện DGTH, 5 tâm quả SG, 4 tâm quả VSG) + 35 tâm sở (13 TSTT, 25 TSTH trừ 3 giới phần – vì 3 giới phần nằm trong tâm đạo, ở đây nói tâm quả nên không tính vào)

☸ **NGOẠI ĐẾ: 20 tâm quả Siêu thế** (52 tâm quả - 32 tâm quả hiệp thế) **hiệp cùng 36 tâm sở** (gồm 13 TSTT, 23 TSTH trừ Bi, Tùy Hỷ - vì không lấy chúng sanh làm đối tượng nên không tính vào) là **NGOẠI ĐẾ**

31.03.2023 – Room PhatgiaionamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/1657515331345866>

3b/ Chư pháp dị thực nhân

VIPĀKADHAMMADHAMMĀ
Là những pháp Nhân trợ sanh cho ra Quả Các pháp Thiện và Bất thiện = Nhân dị thực

↪ **TÂM: 49 tâm** (gồm 12 tâm bất thiện, 8 tâm thiện DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG, 20 tâm đạo Siêu thế)

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở phối hợp** (gồm 13 TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
NHÂN DỊ
THỰC
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp 49 tâm
- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hợp 49 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tướng; 14TSBT, 25 TSTH)
- * **Thức uẩn:** 49 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 49 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Ý thức giới:** 49 tâm
- * **Pháp giới:** 52 Tâm sở

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế** (không có Diệt đế - Niết bàn), gồm:

- * **Khổ đế:** 29 tâm và 51 tâm sở (52 tâm sở - ts Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Đạo đế:** 8 tâm sở bát chánh trong 20 tâm Đạo Siêu thế

☸ **NGOẠI ĐẾ: 28 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH - Bi, Tùy hỷ - 8 chi đạo) hiệp với tâm Đạo là **NGOẠI ĐẾ**

**3c/ Chư pháp Phi dị
thục Quả Phi dị thực
Nhân**

NEVAVIPĀKANAVIPĀKA
DHAMMADHAMMĀ

Là những Pháp:

- + Không là Quả, cũng không là Nhân
- + Tâm duy tác, Sắc pháp, Niết bàn

↪ **TÂM: 20 tâm duy tác** (gồm 3 tâm duy tác VN, 8 tâm duy tác DGTH, 5 tâm duy tác SG, 4 tâm duy tác VSG)

↪ **TÂM SỞ: 35 tâm sở** (gồm 13 tâm sở Tợ tha, 25 tâm sở Tịnh hảo – 3 Giới phần)

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

↪ **NIẾT BÀN: 1**

TẤT CẢ

PHÁP

PHI DỊ

THỰC

QUẢ PHI

DỊ THỰC

NHÂN

TÍNH

THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
 - * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
 - * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng
 - * **Hành uẩn:** 33 tâm sở còn lại (13 TSTT trừ Thọ, Tưởng; 25 TSTH – 3 Giới phần)
 - * **Thức uẩn:** 20 tâm duy tác (3 tâm DTVN, 8 tâm DTDGTH, 9 tâm DTĐĐ)
- NGOẠI UẨN: Niết bàn**

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **5 Ngoại xứ:** **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **5 Nội xứ:** **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Ý xứ:** 20 tâm duy tác
- * **Pháp Xứ:** 35 tâm sở, 16 sắc tế và Niết bàn

↪ **18 GIỚI: có 13 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc giới** (đất, lửa, gió)
- * **Ý giới:** Khán ngũ môn
- * **Pháp giới:** 35 tâm sở, 16 sắc tế và Niết bàn
- * **Ý thức giới:** 19 tâm (20 tâm -KNM)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế (không có Tập đế và Đạo đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 20 tâm duy tác, 35 tâm sở, 28 Sắc pháp
- * **Diệt đế:** Niết bàn

**4/ TAM ĐỀ THỦ -
UPĀDINNATIKA:**

Chiết bán mà Vô dư

**a/ Chư pháp thành do thủ và cảnh thủ -
UPĀDINNUPĀDĀNIYĀ DHAMMĀ**

**b/ Chư pháp phi thành do thủ mà cảnh thủ -
ANUPĀDINNUPĀDĀNIYĀ DHAMMĀ**

**c/ Chư pháp phi thành do thủ và phi cảnh
thủ - ANUPĀDINNĀNUPĀDĀNIYĀ DHAMMĀ**

**4a/ Chư pháp thành do thủ
và cảnh thủ
UPĀDINNUPĀDĀNIYĀ
DHAMMĀ**

+ Pháp thành do Thủ: những pháp nào thành tựu do nghiệp thủ Tham ái và Tà kiến. Pháp thành do thủ chính là **TÂM QUẢ HIỆP THỂ**
+ Cảnh Thủ: cảnh nào do Tham ái biết được là cảnh Thủ
* Sắc do nghiệp tạo chính là Cảnh thủ
Tâm quả Hiệp thể và Sắc nghiệp tạo = Pháp thành do thủ cảnh thủ

↪ **TÂM:** có 32 tâm Quả hiệp thể (gồm 15 tâm quả vô nhân, 8 tâm quả thiện DGTH, 5 tâm quả SG, 4 tâm quả VSG)

↪ **TÂM SỞ:** có 35 tâm sở (gồm 13 tâm sở Tợ tha, 25 tâm sở Tịnh hảo – 3 Giới phần)

↪ **18 SẮC NGHIỆP**

**TẤT CẢ
PHÁP
THÀNH
DO THỦ
VÀ
CẢNH
THỦ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 5 uẩn, gồm:

- * **Sắc uẩn:** có 18 sắc do nghiệp (8 sắc bất ly, 5 sắc thân kinh, 2 sắc tính, sắc Ý vật, sắc Mạng quyền, sắc Hư không)
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng
- * **Hành uẩn:** 33 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tưởng; 22 TSTH trừ 3 Giới phần)
- * **Thức uẩn:** 32 tâm quả Hiệp thể

↪ **12 XỨ:** có 11 xứ (trừ Thịnh xứ - là sắc do Tâm tạo), gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 32 tâm quả Hiệp thể
- * **Pháp Xứ:** 35 tâm sở, 5 sắc tể thuộc sắc nghiệp (2 sắc tính, sắc Ý vật, sắc Mạng quyền, sắc Hư không)

**TẤT CẢ
PHÁP
THÀNH
DO THỦ
VÀ
CẢNH
THỦ
TÍNH
THEO**

↪ **18 GIỚI: có 17 giới (trừ Thỉnh giới), gồm:**

- * Nhân, Nhi, Tỷ, Thiệt, Thân giới
- * Sắc, Khí, Vị, Xúc giới
- * Nhân thức, Nhi thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
- * Ý giới: 2TT
- * Pháp giới: 35 tâm sở, 5 sắc tế thuộc Sắc nghiệp
- * Ý thức giới: 20 tâm quả hiệp thể (32 tâm – Ngũ song thức – 2TT)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế, gồm:**

- * Khổ đế: 32 tâm quả hiệp thể + 35 tâm sở hợp

14.04.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/171430599132401>

**4b/ Chư pháp phi thành do
thủ mà cảnh thủ**
ANUPĀDINNUPĀDĀNIYĀ
DHAMMĀ

- Chư pháp phi thành do thủ: là pháp không thành tựu do ái thủ, không là pháp quả do thủ
- Cảnh thủ: cảnh cho tham ái chấp thủ biết đặng

↪ **TÂM: có 49 tâm** (gồm 12 tâm BT, 3 tâm duy tác VN, 8 tâm thiện DGTH, 8 tâm duy tác DGTH, 5 tâm thiện SG, 5 tâm duy tác SG, 4 tâm thiện VSG, 4 tâm duy tác VSG)

↪ **TÂM SỞ: có 52 tâm sở** (gồm 13 TSTT, 14TSBT, 25 TSTH)

↪ **SẮC PHI NGHIỆP: có 19 sắc** (gồm 4 sắc tứ đại, 4 sắc cảnh giới, sắc vật thực, sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tứ tướng)

**TẤT CẢ
PHÁP
PHI
THÀNH
DO THỦ
MÀ
CẢNH
THỦ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** có 19 sắc phi nghiệp (4 sắc tứ đại, 4 sắc cảnh giới, sắc vật thực, sắc hư không, 2 sắc biểu tri, 3 sắc đặc biệt, 4 sắc tứ tướng)
- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hợp 49 tâm
- * **Tướng uẩn:** ts Tướng hợp 49 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52ts - trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 49 tâm quả Hiệp thể

**TẤT CẢ
PHÁP
PHI
THÀNH
DO THỦ
MÀ
CẢNH
THỦ
TÍNH
THEO**

↪ **12 XỨ: có 7 xứ, gồm:**

- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 49 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 12 sắc tế thuộc Sắc Phi Nghiệp (nước, vật thực, hư không, 2 biểu tri, 3 đặc biệt, 4 tứ tướng)

↪ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**

- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Ý giới:** KNM
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 12 sắc tế thuộc Sắc phi nghiệp
- * **Ý thức giới:** 48 tâm (49 tâm – KNM)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 49 tâm, 51 tâm sở hợp (52ts trừ ts Tham), 19 sắc Phi nghiệp
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

21.04.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/184910564370478>

**4c/ Chư pháp phi thành do
thủ và phi cảnh thủ**

ANUPĀDINNĀNUPĀDĀNIYĀ
DHAMMĀ

- **Pháp phi thành:** là pháp không do ái thủ thành tựu, không phải pháp quả thành tựu
- **Phi Cảnh thủ:** không phải cảnh cho mình chấp thủ

↪ **TÂM: 40 tâm Siêu thế**

↪ **TÂM SỞ: có 36 tâm sở** (gồm 13 TSTT, 25 TSTH – Bi, Tùy hỷ)

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
PHÁP
PHI
THÀNH
DO THỦ
VÀ PHI
CẢNH
THỦ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp 40 tâm Siêu thế
- * **Tướng uẩn:** ts Tướng hiệp 40 tâm Siêu thế
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts - trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 40 tâm Siêu thế

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** có 40 tâm Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở (13 TSTT, 25 TSTH – Bi, Tùy hỷ), Niết bàn

**TẤT CẢ
PHÁP
PHI
THÀNH
DO THỦ
VÀ PHI
CẢNH
THỦ
TÍNH
THEO**

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở (13 TSTT, 25 TSTH – Bi, Tùy hỷ), Niết bàn
- * **Ý thức giới:** 40 tâm Siêu thế

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Đạo đế:** 8 chi đạo trong 20 tâm đạo
- * **Diệt đế:** Niết bàn

NGOẠI ĐẾ:

- + 20 tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – Bi, Tùy hỷ – 8 chi đạo)
- + 20 tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – Bi, Tùy hỷ)

5/ TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI

SANKILIṬṬHATIKA:

Chiết bán mà Vô dư

SAÑKILIṬṬHA: làm cho nhớ bản, hỗn loạn

a/ Chư pháp phiền toái, cảnh phiền não - SAÑKILIṬṬHASAÑKILESIKĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp phi phiền toái, cảnh phiền não - ASAÑKILIṬṬHASAÑKILESIKĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp phi phiền toái, phi cảnh phiền não - ASAÑKILIṬṬHĀSAÑKILESIKĀ DHAMMĀ

10 PHIỀN NÃO: Tham, Sân, Si, Mạn, Kiến, Nghi, Hôn trầm, Vô tầm, Vô úy, Phóng dật

5a/ Chư pháp phiền toái, cảnh phiền não
SAÑKILIṬṬHASAÑKILESIKĀ
DHAMMĀ

↳ **TÂM:** 12 tâm bất thiện

↳ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở phối (gồm 13 TSTT, 14 TSBT)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHIỀN
TOÁI VÀ
CẢNH
PHIỀN
NÃO
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp 12 tâm BT
- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hợp 12 tâm BT
- * **Hành uẩn:** 25 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tướng; 14TSBT)
- * **Thức uẩn:** 12 tâm bất thiện

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * **Ý xứ:** 12 tâm bất thiện
- * **Pháp Xứ:** 27 tâm sở hợp (13TSTT, 14TSBT)

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- * **Ý thức giới:** 12 tâm bất thiện
- * **Pháp giới:** 27 tâm sở hợp (13TSTT, 14TSBT)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế (không có Diệt đế: Niết bàn, và Đạo đế), gồm:

- * **Khổ đế:** có 12 tâm bất thiện + 26 tâm sở hợp (13TSTT, 14TSBT – ts tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

28.04.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/201298519341390>

**5b/ Chư pháp phi
phiền toái, cảnh
phiền não**

ASAÑKILIṬṬHASAÑKILE
SIKĀ DHAMMĀ

Asañkiliṭṭha: những
pháp nào không phải là
phiền não bợn nhơ, pháp
đó gọi là Phi phiền toái

Sañkilesikā: bị phiền
não biết được

↳ **TÂM:** có 69 tâm (gồm 18 tâm VN, 24 tâm
DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG)

↳ **TÂM SỞ:** có 38 tâm sở phối (gồm 13 TSTT,
25TSTH)

↳ **SẮC PHÁP:** có 28 sắc

TẤT CẢ

CÁC

PHÁP

PHI

PHIỀN

TOÁI

CẢNH

PHIỀN

NÃO

TÍNH

THEO

↳ **NGŨ UẨN:** có 5 uẩn, gồm:

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp 69 tâm
- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hợp 69 tâm
- * **Hành uẩn:** 36 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tướng; 25TSTH)
- * **Thức uẩn:** 69 tâm tương ưng

↳ **12 XỨ:** có 12 xứ, gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 69 tâm
- * **Pháp Xứ:** 38 tâm sở, 16 sắc tế

↳ **18 GIỚI:** có 18 giới, gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức**
giới
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 38 tâm sở, 16 sắc tế
- * **Ý thức giới:** 56 tâm (69 tâm - NST - 3 Ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế (không có Tập đế - ts Tham; Diệt
đế - Niết bàn; Đạo đế - tâm đạo), gồm:

- * **Khổ đế:** có 69 tâm, 38 tâm sở hợp, 28 sắc pháp

**5c/ Chư pháp phi
phiền toái, phi cảnh
phiền não**

ASAÑKILIṬṬHĀSAÑKILE
SIKĀ DHAMMĀ

Những pháp không phải
là phiền não làm cho vẫn
đục là phi phiền toái

Pháp không thành cảnh
cho phiền não biết đặng
là phi cảnh phiền não

↳ **TÂM:** có 40 tâm Siêu thế (gồm 20 tâm đạo, 20 tâm quả). **TÂM SIÊU THẾ CHÍNH NÓ LÀ PHI CẢNH PHIỀN NÃO**

↳ **TÂM SỞ:** có 36 tâm sở phối (gồm 13 TSTT, 25TSTH – Bi, Tùy hỷ)

↳ **NIẾT BÀN**

TẤT CẢ

CÁC

PHÁP

PHI

PHIỀN

TOÁI PHI

CẢNH

PHIỀN

NÃO

TÍNH

THEO

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn, gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp 40 tâm Siêu thế
 - * **Tướng uẩn:** tsở Tướng hợp 40 tâm Siêu thế
 - * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (13 TSTT trừ Thọ, Tướng; 25TSTH – Bi, Tùy hỷ)
 - * **Thức uẩn:** 40 tâm Siêu thế
- NGOẠI UẨN:** Niết bàn

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * **Ý xứ:** 40 tâm Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở, Niết bàn

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở, Niết bàn
- * **Ý thức giới:** 40 tâm Siêu thế

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế (không có Khổ đế, Tập đế), gồm:

- * **Diệt đế:** Niết bàn
- * **Đạo đế:** bát chi đạo trong 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- + 20 tâm đạo hợp 28 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – bát chi đạo)
- + 20 tâm quả hợp 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – Bi, Tùy Hỷ)

6/ TAM ĐỀ HỮU TÂM

SAVITAKKATIKA:

Chiết bán mà Vô dư

a/ Chư pháp Hữu Tâm Hữu Tứ - SAVITAKKASAVICĀRĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp Vô Tâm Hữu Tứ - AVITAKKAVICĀRAMATTĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp Vô Tâm Vô Tứ - AVITAKKĀVICĀRĀ DHAMMĀ

6a/ Chư pháp Hữu Tâm Hữu Tứ

SAVITAKKASAVICĀRĀ DHAMMĀ

Hữu tâm: có tâm sở tâm

Hữu tứ: có tâm sở Tứ

Pháp nào mà sanh khởi có Tâm, có Tứ = pháp

Hữu tâm Hữu tứ

Tất cả pháp thực tính (Chân đế) sanh cùng với tâm và tứ hiện bài = pháp hữu tâm hữu tứ

↪ **TÂM: có 55 tâm** (gồm 12 tâm BT, 8 tâm VN (2 tâm TT, 3 tâm QS, 3 tâm duy tác VN), 24 tâm DGTH, 11 tâm Sơ thiền (3 sắc giới, 8 siêu thế))

↪ **TÂM SỞ: có 50 tâm sở** (52 tâm sở trừ Tâm, Tứ)

TẤT CẢ CÁC PHÁP HỮU TÂM HỮU TỨ TÍNH THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 55 tâm
- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hiệp với 55 tâm
- * **Hành uẩn:** 48 tâm sở (52ts trừ Tâm, Tứ, Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 55 tâm tương ưng

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 55 tâm Hữu tâm Hữu tứ
- * **Pháp Xứ:** 50 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 3 giới, gồm:**

- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 50 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 52 tâm hữu tâm hữu tứ (55 tâm trừ 3 Ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
HỮU
TÂM
HỮU TỨ
TÍNH
THEO**

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế** (không có Diệt đế - Niết bàn),
gồm:

* **Khổ đế:** có 47 tâm hiệp thế (55 tâm – 8 tâm siêu thế) + 49
tâm sở hợp (52ts trừ Tâm, Tứ, Tham)

* **Tập đế:** tâm sở Tham

* **Đạo đế:** thất chi đạo hiệp với đạo đế Tâm (Chánh Tư duy)
=> 8 tâm sở bát chánh trong 4 tâm sơ đạo (hữu tâm hữu tứ)

NGOẠI ĐẾ: 40 tâm ST hợp 36 tâm sở trừ Đạo đế

+ 20 tâm Đạo hợp 26 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ
– 8 chi đạo – Tâm, Tứ)

+ 20 tâm Quả hợp 34 tâm sở hợp (13TSTT – Tâm, Tứ,
25TSTH – Bi, Tùy hỷ)

12.05.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/210576998423951>

**6b/ Chư pháp Vô
Tâm Hữu Tứ**

AVITAKKAVICĀRAMATTĀ
DHAMMĀ

Vô tâm: không có tâm

Hữu tứ: có tâm sở Tứ

Pháp nào mà sanh khởi
không có Tâm mà có
Tứ là pháp Vô Tâm
Hữu Tứ

↪ **TÂM: 11 tâm Nhị thiên** (3 Nhị thiên Sắc giới, 8
Nhị thiên Siêu thế)

↪ **TÂM SỞ: có 36 tâm sở** (13TSTT trừ Tâm, Tứ,
25TSTH) + 55 tâm sở Tâm hiệp trong 55 tâm
Hữu tâm Hữu tứ (nghĩa là mỗi tâm hữu tâm hữu
tứ có 1 tâm sở Tâm)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
TÂM
HỮU TỨ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

* **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 11 tâm Nhị thiên

* **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hiệp với 11 tâm Nhị thiên

* **Hành uẩn:** 34 tâm sở (13TSTT trừ Tâm, Tứ, Thọ, Tướng,
25TSTH) hiệp 11 tâm Nhị thiên + 55ts Tâm hiệp trong 55
tâm Hữu tâm Hữu Tứ

* **Thức uẩn:** 11 tâm Nhị thiên

↪ **12 XỨ: có 2 xứ**, gồm:

* **Ý xứ:** 11 tâm Nhị thiên

* **Pháp Xứ:** 36 tâm sở hợp (13TSTT trừ Tâm, Tứ, 25TSTH)
hiệp 11 tâm Nhị thiên + 55ts Tâm hiệp trong 55 tâm Hữu
tâm Hữu Tứ

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
TÂM
HỮU TỨ
TÍNH
THEO**

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp Giới:** 36 tâm sở hợp (13TSTT trừ Tâm, Tứ, 25TSTH) + 55ts Tâm hiệp trong 55 tâm Hữu tâm Hữu Tứ
- * **Ý thức giới:** 11 tâm Nhị thiên

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế (không có Tập đế và Diệt đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 3 tâm nhị thiên SG thuộc Hiệp thế + 47ts Tâm trong 47 tâm hiệp thế (55 trừ ts tâm trong 8 tâm Siêu thế) + 34 tâm sở (13TSTT trừ Tứ, 22TSTH – 3ts Giới phần)
- * **Đạo đế:** thất chi đạo trong 4 tâm đạo Nhị thiên + Chánh Tư duy (lấy lại chi Tâm)

NGOẠI ĐẾ:

- + **Tâm đạo nhị thiên – 7 chi đạo** (38ts - 7 chi đạo - Tứ - 2 Vô lượng phần = 28)
- + **Tâm quả nhị thiên: 35TS** và 4ts Tâm trong 4 tâm quả sơ thiên (38ts - Tứ - 2 Vô lượng phần = 35)

6c/ Chư pháp Vô Tâm Vô Tứ

AVITAKKĀVICĀRĀ DHAMMĀ

Vô Tâm: không Tâm

Vô Tứ: không Tứ

Các pháp không có hiện khởi với Tâm cũng không có hiện khởi với Tứ

AVITAKKĀCA

TE

AVITAKKĀVICĀRĀ CĀTI -

AVITAKKĀVICĀRĀ: Gọi là pháp Vô tâm Vô tứ là những pháp ấy không có Tâm và không có Tứ

↪ **TÂM: có 55 tâm (gồm Ngũ song thức, 11 tâm Tam thiên, 11 tâm Tứ thiên, 23 tâm Ngũ thiên)**

↪ **TÂM SỞ: có 36 tâm sở (13TSTT trừ Tâm, Tứ + 25TSTH)**

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
TÂM VÔ
TỨ TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (13TSTT trừ Tâm, Tứ, Thọ, Tưởng + 25TSTH) và 11 sở hữu Tứ trong 11 tâm Nhị thiên
- * **Thức uẩn:** 55 tâm Vô tâm Vô tứ

NGOẠI UẨN: Niết bàn

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
TÂM VÔ
TỬ TÍNH
THEO**

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc xứ** (*đất, lửa, gió*)
- * **Ý xứ:** 55 tâm Vô tầm Vô tứ
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở, 16 sắc tế, Niết bàn và 11 sở hữu Tứ trong 11 tâm Nhị thiên

↪ **18 GIỚI: có 17 giới (không có Ý giới), gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thính, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Pháp giới:** 36 tâm sở, 16 sắc tế, Niết bàn và 11 sở hữu Tứ trong 11 tâm Nhị thiên
- * **Ý thức giới:** 45 tâm Vô tầm Vô tứ (*55 tâm – NST*)

↪ **TỬ DIỆU ĐẾ: có 3 đế (không có Tập đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 31 tâm Hiệp thế + 33 tâm sở (*13TSTT trừ Tâm, Tứ, 25TSTH – 3 Giới phân*) và 11 sở hữu Tứ trong 11 tâm Nhị thiên, 28 sắc pháp.
- * **Diệt đế:** Niết bàn
- * **Đạo đế:** thất chi đạo trong 12 tâm đạo (*Tam, Tứ, Ngũ thiên Siêu thế*) Vô Tầm Vô Tứ

NGOẠI ĐẾ:

24 tâm Siêu thế (12 đạo 12 quả) và các tâm sở hợp trừ Bát chi đạo

7/ TAM ĐỀ HỖ

PĪTĪTIKA:

Chiết bán mà Hữu dư

a/ Chư pháp câu hành Hỷ - PĪTISAHAGATĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp câu hành Lạc - SUKHASAHAGATĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp câu hành Xả - UPEKKHĀSAHAGATĀ DHAMMĀ

7a/ Chư pháp câu hành Hỷ

PĪTISAHAGATĀ DHAMMĀ

Pīti: hỷ/ Sahagatā: câu hành, đi chung, đi cùng, đồng sanh

Các pháp nào đồng sanh, đi chung, cùng hiện hữu với hỷ tức Chư pháp câu hành Hỷ

↳ **TÂM:** 51 tâm câu hành Hỷ (gồm 4 tâm tham hỷ, Quan sát hỷ, UCVT, 12 tâm DGTH hỷ, 11 tâm Sơ thiền (3 sắc giới, 8 siêu thế), 11 tâm Nhị thiền (3 sắc giới, 8 siêu thế), 11 tâm Tam thiền (3 sắc giới, 8 siêu thế)).

↳ **TÂM SỞ:** 46 tâm sở (13TSTT trừ Hỷ, 14TSBT trừ 4 Sân phần và Hoài nghi, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CÂU
HÀNH
HỖ TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * Thọ uẩn: tâm sở Thọ hiệp với 51 tâm
- * Tướng uẩn: tâm sở Tướng hiệp với 51 tâm
- * Hành uẩn: 44 tâm sở (46ts trừ Thọ, Tướng)
- * Thức uẩn: 51 tâm câu hành Hỷ

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * Ý xứ: 51 tâm câu hành Hỷ
- * Pháp Xứ: 46 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- * Pháp giới: 46 tâm sở hợp
- * Ý thức giới: 51 tâm câu hành Hỷ

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CÂU
HÀNH
HỖ TÍNH
THEO**

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 3 đế (không có Diệt đế - Niết bàn), gồm:

- * **Khổ đế:** có 27 tâm câu hành Hỷ (51 tâm câu hành Hỷ – 24 tâm siêu thế) + 45 tâm sở hợp (46ts trừ Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Đạo đế:** bát chi đạo hợp trong 12 tâm đạo siêu thế

NGOẠI ĐẾ:

- + 12 tâm Đạo hợp 27 tâm sở hợp (36 ts hợp – 8 chi đạo – Hỷ)
- + 12 tâm Quả hợp 35 tâm sở hợp (36 ts hợp – Hỷ)

**7b/ Chư pháp câu
hành Lạc
SUKHASAHAGATĀ
DHAMMĀ
Cố Lạc và Hỷ**

↪ **TÂM:** 63 tâm câu hành Lạc (4 tham hỷ, Thân thức lạc, Quan sát hỷ, UCVT, 12 tâm DGTH Hỷ, 12 Sắc giới Hỷ, 32 Siêu thế Hỷ)

↪ **TÂM SỞ:** 46 tâm sở câu hành Lạc (13TSTT trừ Thọ, 14TSBT trừ 4 sân phần và hoài nghi, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CÂU
HÀNH
LẠC
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 3 (không tính Sắc uẩn, Thọ uẩn), gồm:

- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hiệp với 63 tâm câu hành Lạc
- * **Hành uẩn:** 45 tâm sở (46 tâm sở câu hành Lạc trừ Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 63 tâm câu hành Lạc

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * **Ý xứ:** 63 tâm câu hành Lạc
- * **Pháp Xứ:** 46 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 3 giới, gồm:

- * **Thân thức giới:** thân thức thọ lạc
- * **Pháp giới:** 46 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 62 tâm câu hành Lạc (63 tâm trừ Thân thức thọ Lạc)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CÂU
HÀNH
LẠC
TÍNH
THEO**

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 3 đế (không có Diệt đế - Niết bàn), gồm:

- * **Khổ đế:** có 31 tâm câu hành Lạc hiệp thể (63 tâm câu hành Lạc – 32 tâm thiền Siêu thế) + 45 tâm sở hợp (46ts trừ Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Đạo đế:** bát chi đạo hợp trong 16 tâm đạo Siêu thế

NGOẠI ĐẾ:

- + 16 tâm Đạo hợp 27 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy Hỷ - 8 chi đạo – Thọ)
- + 16 tâm Quả hợp 35 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy Hỷ – Thọ)

7c/ Chư pháp câu hành Xả

UPEKKHĀSAHAGATĀ
DHAMMĀ

Các pháp đồng sanh, đi chung, câu hữu với Xả thọ => chư pháp câu hành Xả

UPEKKHĀSAHAGATĀ
DHAMMĀ: là tâm và sở hữu tương ưng với thọ Xả

↪ **TÂM:** 55 tâm câu hành Xả (4 tham Xả, 2 Si xả, 14 tâm VN, 12 tâm DGTH Xả, 3 Ngũ thiền SG, 12 tâm VSG, 8 tâm Siêu thế)

↪ **TÂM SỞ:** 46 tâm sở (13TSTT trừ Thọ, Hỷ; 14TSBT trừ 4 sân phần, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CÂU
HÀNH
XẢ TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 3 (không tính Sắc uẩn, Thọ uẩn), gồm:

- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hiệp với 55 tâm câu hành Xả
- * **Hành uẩn:** 45 tâm sở (46 tâm sở câu hành Xả trừ Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 55 tâm câu hành Xả

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * **Ý xứ:** 55 tâm câu hành Xả
- * **Pháp Xứ:** 46 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 7 giới, gồm:

- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2 tâm tiếp thân
- * **Pháp giới:** 46 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 44 tâm câu hành Xả (55 tâm trừ 4 cặp song thức và 3 Ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CÂU
HÀNH
XẢ TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 3 đế (không có Diệt đế - Niết bàn),
gồm:

* **Khổ đế:** có 47 tâm câu hành Xả hiệp thế (55 tâm câu hành Xả – 8 tâm thiền Siêu thế) + 45 tâm sở hợp (46ts trừ Tham)

* **Tập đế:** tâm sở Tham

* **Đạo đế:** bát chi đạo hợp trong 4 tâm đạo Siêu thế Xả

26.05.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/815043369576333>

NGOẠI ĐẾ:

+ 4 tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp (38 ts hợp – Thọ, Hỷ - 8 chi đạo)

+ 4 tâm Quả hợp 34 tâm sở hợp (38 ts hợp – Thọ, Hỷ, Bi, Tùy hỷ)

NGOẠI TAM ĐỀ:

+ TÂM: 3 tâm (gồm 2 tâm sân + 1 thân thức thọ khổ)

+ TÂM SỞ: 22 sở hữu hợp (12TSTT – Hỷ, 14TSBT – 3 tham phần, Hoài nghi) (hoặc 12 TSTT – Hỷ, 4 si phần, 4 sân phần, 2 hôn phần)

Vì câu thứ 1 là Pháp câu hành Hỷ thọ, câu thứ 2 là Pháp câu hành Lạc thọ, câu thứ 3 là Pháp câu hành Xả thọ cho nên không tính vào 3 tâm Ngoại tam đề

55 tâm sở Xả thọ câu hành với 55 tâm thọ xả = Ngoại tam đề

+ vì không được gom hợp vào trong cả 3 câu

Câu 1: là Pháp câu hành Hỷ thọ: không thể đưa vào

Câu 2: là Pháp câu hành Lạc thọ: không thể đưa vào

Câu 3: là Pháp câu hành Xả thọ (trừ chính Thọ ra)

12sh Lạc thọ: 1 tâm thân thức thọ Lạc và 11 tâm Tứ thiền: Ngoại tam đề

Vì những sở hữu Lạc thọ này là Hữu Lạc Phi Hỷ tức là không sanh cùng với Hỷ = Ngoại tam đề

**8/ TAM ĐỀ SƠ ĐẠO
ƯNG TRỪ -
UPĀDINNA TIKA**

Chiết bán mà vô dư

**a/ Chư pháp đáng do tri kiến đoạn trừ -
DASSANENA PAHĀTABBĀ DHAMMĀ**

**b/ Chư pháp đáng do tu tiến đoạn trừ -
BHĀVANĀYA PAHĀTABBĀ DHAMMĀ**

**c/ Chư pháp không đáng tri kiến, không
đáng tu tiến đoạn trừ - NEVA DASSANENA
NA BHĀVANĀYA PAHĀTABBĀ DHAMMĀ**

**8a/ Chư pháp đáng
do tri kiến đoạn trừ**

DASSANENA
PAHĀTABBĀ
DHAMMĀ

Đáng do Sơ đạo tuyệt
trừ

↪ **TÂM: 5 tâm** (gồm 4 tâm tham tà kiến, 1 tâm
Si hoài nghi).

↪ **TÂM SỞ: 22 tâm sở** (13TSTT, 4 Si phần, Tham,
Tà kiến, 2 Hôn phần, Hoài nghi)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
ĐÁNG
DO TRI
KIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 5 tâm
- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hiệp với 5 tâm
- * **Hành uẩn:** 20 tâm sở (22ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 5 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 5 tâm (4 tham tà kiến, 1 Si hoài nghi)
- * **Pháp Xứ:** 22 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 22 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 5 tâm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 4 tâm tham hợp tà, 1 si hoài nghi + 21 tâm sở
(22ts trừ ts Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

**8b/ Chư pháp đáng
do tu tiến đoạn trừ**

BHĀVANĀYA
PAHĀTABBĀ
DHAMMĀ

3 đạo cao đoạn trừ:
Nhị đạo, Tam đạo, Tứ
đạo

↪ **NHỊ ĐẠO:** giảm nhẹ Dục ái và Sân -
Tanukarapahāna

+ **TÂM:** 6 tâm (gồm 4 tâm tham ly tà, 2 tâm
Sân).

+ **TÂM SỞ:** 25 tâm sở (13TSTT, 14TSBT trừ Tà
kiến, Hoài nghi)

↪ **TAM ĐẠO:** đáng để diệt trừ Dục ái và Sân

+ **TÂM:** 6 tâm (gồm 4 tâm ly tà liên đới với
Dục ái, 2 tâm Sân)

+ **TÂM SỞ:** 25 tâm sở (13TSTT, 14TSBT trừ Tà
kiến, Hoài nghi)

↪ **TỨ ĐẠO:** đã diệt Ái sắc, Ái Vô sắc

+ **TÂM:** 5 tâm (gồm 4 tâm ly tà liên đới ái Sắc,
ái Vô sắc, Si phóng dật) phải được tuyệt trừ.

+ **TÂM SỞ:** 21 tâm sở (13TSTT, 4 Si phần, ts
Tham, ts Ngã mạn, 2 Hôn phần)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
ĐÁNG
DO TU
TIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:

* **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 7 tâm

* **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hiệp với 7 tâm

* **Hành uẩn:** 23 tâm sở (25ts trừ Thọ, Tướng)

* **Thức uẩn:** 7 tâm (4 tham ly tà, 2 sân, 1 si phóng dật)

↪ **12 XÚ:** có 2 xứ, gồm:

* **Ý xứ:** 7 tâm (4 tham ly tà, 2 sân, 1 si phóng dật)

* **Pháp Xứ:** 25 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

* **Pháp giới:** 25 tâm sở hợp

* **Ý thức giới:** 7 tâm (4 tham ly tà, 2 sân, 1 si phóng dật)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

* **Khổ đế:** 4 tâm tham ly tà, 2 tâm sân, 1 tâm si phóng dật +
24 tâm sở (25ts trừ ts Tham)

* **Tập đế:** tâm sở Tham

**8c/ Chư pháp không
đáng tri kiến, không
đáng tu tiến đoạn
trừ**

NEVA DASSANENA
NA BHĀVANĀYA
PAHĀTABBĀ
DHAMMĀ

Tất cả những pháp
không đáng cho 4 đạo
cao sát trừ

↪ **TÂM: 77 tâm** (gồm 18 tâm vô nhân, 15 tâm
Sắc giới, 12 tâm Vô sắc giới, 8 (20) tâm Siêu thế).

↪ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
KHÔNG
ĐÁNG
TRI
KIẾN,
KHÔNG
ĐÁNG
TU TIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
 - * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hợp 77 tâm
 - * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng hợp 77 tâm
 - * **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 ts trừ Thọ, Tưởng)
 - * **Thức uẩn:** 77 tâm tương ưng
- NGOẠI UẨN: Niết bàn**

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 77 tâm
- * **Pháp Xứ:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức**
giới
- * **Pháp Xứ:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB
- * **Ý thức giới:** 64 tâm (77 tâm – NST – 3 ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
KHÔNG
ĐÁNG
TRI
KIẾN,
KHÔNG
ĐÁNG
TU TIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế, gồm:**

* **Khổ đế:** 69 tâm hiệp thế (51 tâm tịnh hảo hiệp thế + 18 tâm vô nhân), 38 tâm sở, 28 sắc pháp

* **Diệt đế:** Niết bàn

* **Đạo đế:** bát chi đạo trong 4 (20) tâm Đạo

* **NGOẠI ĐẾ:**

+ 4 (20) tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ - 8 chi đạo)

+ 4 (20) tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ)

**SỰ SÁT TRỪ BÁT
THIỆN PHÁP DO
4 ĐẠO:**

SƠ ĐẠO

Cách 1: Sát trừ đoạn tuyệt - SAMUCCHEDAPAHĀNA: 4 tâm tham tà + tâm Si hoại nghi + 22 tâm sở hợp

Cách 2: Sát trừ bằng cách làm cho nhẹ đi - ĀPĀYAGAMANIYA: 4 tham ly tà + 2 tâm sân + 25 ts hợp đi vào khổ cảnh

NHỊ ĐẠO

Chỉ có 1 cách làm cho nhẹ TANUKARAPAHĀNA: 4 tâm tham ly tà + 2 tâm sân + 25 ts hợp loại thô

TAM ĐẠO

Có 1 cách đoạn tuyệt: 4 tâm tham ly tà liên đới với Dục ái và 2 tâm căn sân + 25 ts hợp

TỨ ĐẠO

Có 1 cách đoạn tuyệt: 4 tâm tham ly tà liên đới với Sắc ái, Vô sắc ái + 1 tâm si phóng dật + 21 ts hợp

**NĂNG LỰC SÁT
TRỪ THAM LY TÀ
VÀ 2 TÂM SÂN**

**4 tâm tham Ly tà + sở hữu hợp:
có 5 cách**

1. Apāyagamaniya: dẫn đi vào cõi khổ (sát trừ do Sơ đạo)
2. Olārika: loại thô, nhưng không dẫn vào cõi khổ (sát trừ do Nhị đạo)
3. Sukhuma: loại tế, liên đới với Dục ái (sát trừ do Tam đạo)
4. Sukhuma: liên đới với Sắc ái (sát trừ do Tứ đạo)
5. Sukhuma: liên đới với Vô sắc ái (sát trừ do Tứ đạo)

**2 tâm Sân + sở hữu hợp:
có 3 cách**

1. Apāyagamaniya: dẫn đi vào cõi khổ (sát trừ do Sơ đạo)
2. Olārika: loại thô (sát trừ do Nhị đạo)
3. Sukhuma: loại tế (sát trừ do Tam đạo)

KẾT:

1 tâm Sơ đạo: sát trừ 4 tham Tà kiến + Si hoài nghi + sở hữu hợp

1 tâm Tứ đạo: sát trừ tâm Si phóng dật + sở hữu hợp

3 tâm Đạo thấp (Sơ, Nhị, Tam): 2 tâm sân + sở hữu hợp

CẢ 4 ĐẠO: 4 THAM LY TÀ + SỞ HỮU HỢP

**SỰ TUYỆT TRỪ PHIỀN NÃO
THEO THỨ TỰ CỦA ĐẠO -
MAGGAPAṬIPĀṬIYĀ
PAHĀNAKILESĀ EVAMAṆ
VEDITABBĀ**

Tham (LOBHA) Sân (DOSA)
Si (MOHA) Mạn (MĀNA)
Kiến (DIṬṬHI)
Hoài Nghi (VICIKICCHĀ)
Hôn Trâm (THINA)
Phóng Dật (UDDHACCA)
Vô Tâm (AHIRIKA)
Vô Úy (ANOTTAPPA)

1. Tà kiến, Hoài nghi phải bị tuyệt trừ do một TÂM SỞ ĐẠO -
SOTĀPATTIMAGGENA, DIṬṬHIVICIKICCHĀ PAHĪYANTI

2. Sân phải bị tuyệt trừ do một TÂM TAM ĐẠO -
ANĀGĀMIMAGGENA DOSO PAHĪYANTI

3. Bảy phiền não còn lại như tham v.v... phải bị tuyệt trừ do một
TÂM TỨ ĐẠO - ARAHATTAMAGGENA SESĀSATTĀ
PAHĪYANTI

**SỰ SÁT TRỪ TRIỀN THEO
THỨ TỰ PHIỀN NÃO**

Dục ái triền, khuê phần triền (sân) phải bị sát trừ do một TÂM TAM
ĐẠO -
KILESAPAṬIPĀṬIYĀ KĀMARĀGAPAṬIGHASAMAṆYOJANĀNI
ANĀGĀMIMAGGENA PAHĪYANTI

Ngã mạn triền phải bị sát trừ do 1 TÂM TỨ ĐẠO
MĀNASAMAṆYOJANAṆ ARAHATTAMAGGENA

Tà kiến triền, Hoài nghi triền, Giới cảm thủ triền phải bị sát trừ do
một TÂM SỞ ĐẠO
DIṬṬHIVICIKICCHĀSĪLABBATAPARĀMĀSĀ
SOTĀPATTIMAGGENA

Hữu ái triền phải bị sát trừ do một tâm A-LA-HÁN ĐẠO -
BHAVARĀGASAMAṆYOJANAṆ ARAHATTAMAGGENA

Tật đồ triền, lặn sát triền phải bị sát trừ do một TÂM SỞ ĐẠO -
ISSĀMACCHARIYĀNI SOTĀPATTIMAGGENA

Vô minh triền phải bị sát trừ do một tâm Tứ đạo - AVIJĀ
ARAHATTAMAGGENA

9/ TAM ĐỀ HỮU
NHÂN SỞ ĐẠO
ƯNG TRỪ -
DASSANA-
HETUTIKA

Chiết bán mà vô dư

a/ Chư pháp hữu nhân đáng do tri kiến đoạn trừ - DASSANENA PAHĀTABBĀHETUKĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp hữu nhân đáng do tu tiến đoạn trừ - BHĀVANĀYA PAHĀTABBĀHETUKĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp phi hữu nhân đáng do tri kiến tu tiến đoạn trừ - NEVA DASSANENA NA BHĀVANĀYA PAHĀTABBĀHETUKĀ DHAMMĀ

9a/ Chư pháp hữu nhân đáng do tri kiến đoạn trừ

DASSANENA
PAHĀTABBĀHETUKĀ
DHAMMĀ

↪ **TÂM:** 5 tâm (gồm 4 tâm tham hợp tà, 1 tâm Si hoài nghi).

↪ **TÂM SỞ:** 22 tâm sở (13TSTT, 4 Si phần, Tham, Tà kiến, 2 Hôn phần, Hoài nghi)

TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
HỮU
NHÂN
ĐÁNG
DO TRI
KIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * Thọ uẩn: tâm sở Thọ hợp 5 tâm
- * Tưởng uẩn: tâm sở Tưởng hợp 5 tâm
- * Hành uẩn: 20 tâm sở (22ts trừ Thọ, Tưởng)
- * Thức uẩn: 5 tâm tương ưng

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * Ý xứ: 5 tâm (4 tham hợp tà, 1 Si hoài nghi)
- * Pháp Xứ: 22 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- * Pháp giới: 22 tâm sở hợp
- * Ý thức giới: 5 tâm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- * Khổ đế: 4 tâm tham hợp tà, 1 si hoài nghi + 21 tâm sở (22ts trừ ts Tham)
- * Tập đế: tâm sở Tham

9b/ Chư pháp hữu
nhân đáng do tu
tiến đoạn trừ

BHĀVANĀYA
PAHĀTABBAHETUKĀ
DHAMMĀ

3 đạo cao đoạn trừ:
Nhị đạo, Tam đạo, Tứ
đạo

↳ **NHỊ ĐẠO:** giảm nhẹ Dục ái và Sân -
Tanukarapahāna
+ **TÂM:** 6 tâm (gồm 4 tâm tham ly tà, 2 tâm
Sân)
+ **TÂM SỞ:** 25 tâm sở (13TSTT, 14TSBT trừ Tà
kiến, Hoài nghi)

↳ **TAM ĐẠO:** diệt trừ Dục ái và Sân
+ **TÂM:** 6 tâm (gồm 4 tâm ly tà liên đới với
Dục ái, 2 tâm Sân)
+ **TÂM SỞ:** 25 tâm sở (13TSTT, 14TSBT trừ Tà
kiến, Hoài nghi)

↳ **TỨ ĐẠO:** diệt Ái sắc, Ái Vô sắc
+ **TÂM:** 5 tâm (gồm 4 tâm ly tà liên đới ái Sắc,
ái Vô sắc, Si phóng dật) phải được tuyệt trừ.
+ **TÂM SỞ:** 21 tâm sở (13TSTT, 4 Si phần, ts
Tham, ts Ngã mạn, 2 Hôn phần)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
HỮU
NHÂN
ĐÁNG
DO TU
TIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:
* **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp 4 tham ly tà + 2 sân + 1 si
phóng dật
* **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng
* **Hành uẩn:** 23 tâm sở (25ts trừ Thọ, Tướng)
* **Thức uẩn:** 7 tâm (4 tham ly tà, 2 sân, 1 si phóng dật)

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:
* **Ý xứ:** 7 tâm (4 tham ly tà, 2 sân, 1 si phóng dật)
* **Pháp Xứ:** 25 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:
* **Pháp giới:** 25 tâm sở hợp
* **Ý thức giới:** 7 tâm (4 tham ly tà, 2 sân, 1 si phóng dật)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:
* **Khổ đế:** 4 tâm tham ly tà, 2 tâm sân, 1 tâm si phóng dật +
24 tâm sở (25ts trừ ts Tham)
* **Tập đế:** tâm sở Tham

9c/ Chư pháp phi hữu nhân đáng do tri kiến tu tiến đoạn trừ

NEVA DASSANENA
NA BHĀVANĀYA
PAHĀTABBAHETUKĀ
DHAMMĀ

↪ **TÂM: 77 tâm** (gồm 18 tâm vô nhân, 24DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG, 8 (40) tâm Siêu thế).

↪ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHI HỮU
NHÂN
ĐÁNG
DO TRI
KIẾN TU
TIẾN
ĐOẠN
TRỪ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng
- * **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 77 tâm tương ưng

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 77 tâm
- * **Pháp Xứ:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB
- * **Ý thức giới:** 64 tâm (77 tâm – NST - 3 ý giới)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 69 tâm hiệp thế (77 tâm – 8 tâm Siêu thế) + 38 t.sở + 28 sắc pháp
- * **Diệt đế:** Niết bàn
- * **Đạo đế:** bát chi đạo trong 4 (20) tâm Đạo

NGOẠI ĐẾ:

- + 4 (20) tâm Đạo hợp 28 ts hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ - 8 chi đạo)
- + 4 (20) tâm Quả hợp 36 ts hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ)

**10/ TAM ĐỀ NHÂN
SANH TỬ -
ĀCAYAGĀMITIKA**

Chiết bán mà vô dư

**a/ Chư pháp nhân sanh tử - ĀCAYAGĀMINO
DHAMMĀ**

**b/ Chư pháp nhân đến nibban -
APACAYAGĀMINO DHAMMĀ**

**c/ Chư pháp phi nhân sanh tử phi nhân
nibban - NEVĀCAYAGĀMINĀPACAYAGĀMINO
DHAMMĀ**

**10a/ Chư pháp nhân
sanh tử**

ĀCAYAGĀMINO
DHAMMĀ

Ācaya: sự tích tập, sự
chứa để, **Ācayagāmi:**
nhân tích tập, pháp đưa
đến luân hồi

Ācayagāmino dhammā:
tất cả pháp nào là nhân
đưa đến sự tử và tái sinh,
pháp đó là pháp nhân
sanh tử

↪ **TÂM: 29 tâm** (gồm 12 tâm BT, 8 tâm thiện
DGTH, 5 tâm thiện SG, 4 tâm thiện VSG)

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
NHÂN
SANH
TỬ TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 29 tâm
- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng hiệp với 29 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 29 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 29 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 52 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 29 tâm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 29 tâm + 51 tâm sở (52ts trừ ts Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

**10b/ Chư pháp nhân
đến Nibbāna**

APACAYAGĀMINO
DHAMMĀ

Apacayagāmi: nhân
tịch diệt, Pháp dẫn đến
Niết bàn

Apacayagāmino

Dhammā: tất cả pháp
nào là NHÂN đưa đến
Niết bàn, đó là chư
pháp nhân đến Niết
bàn

↳ **TÂM: 4 (20) tâm đạo Siêu thế**

↳ **TÂM SỞ: 36 tâm sở (13TSTT, 25TSTH – Bi, Tùy
hỷ)**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
NHÂN
ĐẾN
NIẾT
BÀN
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 4 (20) tâm đạo
- * **Tướng uẩn:** ts Tướng hiệp với 4 (20) tâm đạo
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 4 (20) tâm đạo

↳ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 29 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 4 (20) tâm đạo

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế, gồm:**

- * **Đạo đế:** bát chi đạo trong 4 (20) tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

+ **4 (20) tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi,
Tùy hỷ - 8 chi đạo)**

10c/ Chư pháp phi nhân sanh tử phi nhân nibban –

**NEVĀCAYAGĀMINĀP
ACAYAGĀMINO
DHAMMĀ**

Là pháp không phải là nhân đưa đến sanh tử, không phải là nhân đưa đến Niết bàn, đó là chi pháp Phi nhân sanh tử Phi nhân Niết bàn

↳ **TÂM: 56 tâm** (gồm 18 tâm VN, 8 tâm quả DGTH, 8 tâm duy tác DGTH, 5 tâm quả SG, 5 tâm duy tác SG, 4 tâm quả VSG, 4 tâm duy tác VSG, 4 tâm quả siêu thế)

↳ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

↳ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

↳ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHI
NHÂN
SANH
TỬ PHI
NHÂN
NIẾT
BÀN
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tướng uẩn:** tâm sở Tướng
- * **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 56 tâm tương ưng

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↳ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 56 tâm
- * **Pháp Xứ:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB

↳ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 38 tâm sở, 16 sắc tế, NB
- * **Ý thức giới:** 43 tâm (56 tâm – NST – 3 ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 52 tâm hiệp thế (56 tâm – 4 quả Siêu thế) + 35 tâm sở (trừ 3 giới phần) + 28 sắc pháp
- * **Diệt đế:** Niết bàn

NGOẠI ĐẾ:

4 (20) tâm Quả Siêu thế hợp 36 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ)

11/ TAM ĐỀ HỮU HỌC - SEKKHATIKA

Chiết bán mà vô dư

a/ Chư pháp Hữu học - SEKKHĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp Vô học - ASEKKHĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp phi Hữu học phi Vô học - NEVA SEKKHANĀSEKKHĀ DHAMMĀ

11a/ Chư pháp Hữu học - SEKKHĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM:** 7 tâm Siêu thế (trừ Tứ quả).

↪ **TÂM SỞ:** 36 tâm sở (13TSTT, 25TSTH – 2 Vô lượng phần)

TĪSUSIKKHĀSU JATĀSI = SEKKHĀ: bậc còn đang học hành theo Tam học, bậc Thánh ấy gọi là Hữu học

APARIYASITA SIKKHATTĀ SAYAMEVĀ SIKKHANTĪTI PI = SEKKHĀ: những người còn hành sắp tiến lên bậc Thánh cao vì chưa hết phạm sự, nên gọi là Hữu học

SATTANNAṀ SEKKHĀNAṀ ETETI PI = SEKKHĀ: những pháp của 7 bậc Thánh chưa tột, gọi là pháp Hữu học

Tất cả pháp nào là pháp tính đến 7 bậc hữu học là **Sekkhā dhammā**

TẤT CẢ CÁC PHÁP HỮU HỌC TÍNH THEO

↪ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 7 tâm Siêu thế
- * **Tướng uẩn:** ts Tướng hiệp với 7 tâm Siêu thế
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 7 tâm Siêu thế

↪ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * **Ý xứ:** 7 tâm Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 7 tâm Siêu thế

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
HỮU
HỌC
TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế, gồm:

* **Đạo đế:** bát chi đạo trong 4 (20) tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

+ 4 (20) tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ - 8 chi đạo)

+ 4 (20) tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ)

11b/ Chư pháp Vô học - ASEKKHĀ DHAMMĀ

↳ **TÂM:** 1 tâm Tứ Quả

↳ **TÂM SỞ:** 36 tâm sở (13TSTT, 25TSTH – 2 Vô lượng phần)

UPARISIKKHITABBĀ BHĀVATO NA SEKKHĀTI = ASEKKHĀ: những người chẳng phải bậc hữu học vì không còn pháp sẽ tiến hành nữa, bậc ấy gọi là Vô học

VUDJHIPPATTĀ VĀ SEKKHĀTI PI = ASEKKHĀ: bậc đã tu tiến tam học tốt cùng rồi, người ấy gọi là Vô học

SAMANTATO KHAÑḌITATTĀ APPAMATTAKAṀ PARITTANTI VUCCATI PARITTAṀ GOMAYAPIÑḌANTI ĀḌISUVIYA: gọi Vô học đây tức là pháp của bậc QUẢ ỨNG CỨNG

GHI CHÚ: có 18 tâm: 1 vi tiểu + 8 duy tác DG + 9 duy tác đảo đại: chỉ sanh khởi nơi bậc Alahan, nhưng không được xếp vào chư pháp vô học (vì pháp vô học này chỉ lấy tâm Tứ quả)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
HỌC
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:

* **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 1 tâm Tứ quả

* **Tưởng uẩn:** ts Tưởng hiệp với 1 tâm Tứ quả

* **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tưởng)

* **Thức uẩn:** 1 tâm Tứ quả

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

* **Ý xứ:** 1 tâm Tứ quả

* **Pháp Xứ:** 36 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

* **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp

* **Ý thức giới:** 1 tâm Tứ quả

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** không có

NGOẠI ĐẾ: 1 tâm Tứ Quả hợp 36 tâm sở hợp (38 ts hợp – Bi, Tùy hỷ)

**11c/ Chư pháp phi
Hữu học phi Vô
học - NEVA
SEKKHANĀSEKKHĀ
DHAMMĀ**

Các pháp nào không phải là Hữu học cũng không phải Vô học HOẶC những pháp ngoài ra Hữu học và Vô học.

Nói cách khác: Tất cả pháp thực tính nào không phải là pháp của 7 bậc Hữu học và bậc Vô học hay không được gọi là Pháp Hữu học và Pháp Vô học = PHÁP PHI HỮU HỌC PHI VÔ HỌC

↳ **TÂM: 81 tâm hiệp thế** (12 tâm BT, 18 tâm VN, 24 tâm DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG)

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

↳ **SẮC PHÁP: 28 sắc pháp**

↳ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHI HỮU
HỌC PHI
VÔ HỌC
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** ts Thọ
- * **Tướng uẩn:** ts Tướng
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 81 tâm hiệp thế

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↳ **12 XỬ: có 12 xử, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xử**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc xử** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xử:** có 81 tâm hiệp thế
- * **Pháp Xử:** 52 tâm sở, 16 sắc tế, NB

↳ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 16 sắc tế, NB
- * **Ý thức giới:** 68 tâm (81 tâm – NST - 3 ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 81 tâm hiệp thế + 51 tâm sở (52ts – ts Tham) + 28 sắc pháp
- * **Tập đế:** ts Tham
- * **Diệt đế:** Niết bàn

12/ TAM ĐỀ THIẾU - PARITTATIKA

Chiết bán mà vô dư

a/ Chư pháp Hy thiếu - PARITTĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp Đáo đại - MAHAGGATĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp vô lượng - APPAMĀṆĀ DHAMMĀ

12a/ Chư pháp Hy thiếu -

PARITTĀ DHAMMĀ

Parittā: hy thiếu, thấp kém, nhỏ

Pháp có số lượng ít ỏi gọi là Hy thiếu, có trạng thái ít ỏi, do nhân đó gọi là Pháp hy thiếu. Cụm từ Hy thiếu này là tên gọi chỉ cho tất cả pháp Dục giới

↳ **TÂM:** 54 tâm Dục giới (12 tâm bất thiện, 18 tâm vô nhân, 24 tâm DGTH).

↳ **TÂM SỞ:** 52 tâm sở (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

↳ **SẮC PHÁP:** 28 sắc

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP HY
THiếu
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 5 uẩn, gồm:

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** ts Thọ
- * **Tưởng uẩn:** ts Tưởng
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 54 tâm tương ưng

↳ **12 XỨ:** có 12 xứ, gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 54 tâm dục giới
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 16 sắc tế

↳ **18 GIỚI:** có 18 giới, gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 16 sắc tế
- * **Ý thức giới:** 41 tâm (54 tâm - NST - 3 ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- * **Khổ đế:** 54 tâm Dục giới + 51 tâm sở (52ts – ts Tham) + 28 sắc pháp
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

12b/ Chư pháp Đáo đại - MAHAGGATĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM: 27 tâm Đáo đại** (15 tâm SG, 12 tâm VSG).

↪ **TÂM SỞ: 35 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH – 3 giới phần)

“KILESAVIKKHAMBHANA SAMATTHATĀYA VIPULAPHALATĀYA DĪGHASANTĀNATĀYA CA MAHANTĀBHĀVAṀ GATĀ MAHANTEHI VĀ UḶĀRACCHANDAVĪRIYACITTAPAÑÑEHI GATĀ PAṬIPANNĀTI = MAHAGGATĀ”.

Những pháp nào thành tựu sự cao thượng bởi vì có thể ĐỀ NÉN PHIỀN NÃO, bởi vì CÓ QUẢ LỚN LAO, bởi vì NỐI TIẾP NHAU LIÊN TỤC, LÂU DÀI hay những pháp nào mà BẬC CAO THƯỢNG, tức là NGƯỜI CÓ DỤC, CẦN, TÂM và TRÍ TUỆ CAO THƯỢNG, ĐANG TIẾN HÀNH, do nhân đó những pháp ấy gọi là PHÁP ĐÁO ĐẠI (MAHAGGATA)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
ĐÁO ĐẠI
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 27 tâm Đáo đại
- * **Tưởng uẩn:** ts Tưởng hiệp với 27 tâm Đáo đại
- * **Hành uẩn:** 33 tâm sở (35ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 27 tâm Đáo đại

↪ **12 XỨ: có 2 xứ,** gồm:

- * **Ý xứ:** 27 tâm Đáo đại
- * **Pháp Xứ:** 35 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới,** gồm:

- * **Pháp giới:** 35 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 27 tâm Đáo đại

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế,** gồm:

- * **Khổ đế:** 27 tâm Đáo đại + 35 tâm sở

12c/ Chư pháp vô lượng - APPAMĀṆĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM: 8 (40) tâm Siêu thế** (20 tâm đạo, 20 tâm quả).

↪ **TÂM SỞ: 36 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH – 2 Vô lượng phần)

↪ **NIẾT BÀN**

“PAMĀṆAKARĀDHAMMĀ RĀGĀDAYO PAMĀṆAṀ NĀMA, ĀRAMMAṆATO VĀ SAMPAYOGATO VĀ NATTHI ETESAṀ PAMĀṆANTI = APPAMĀṆĀ PAMĀṆASSA CA PAṬIPAKKHĀTI = APPAMĀṆĀ”.

Tất cả pháp có Ái v.v... làm cho có sự phân biệt cao thấp, gọi là PHÁP HỮU LƯỢNG (PAMĀṆADHAMMA).

Pháp Hữu Lượng không hiện bày cho những pháp này bằng cách làm cảnh hay kết hợp. Do nhân đó, những pháp này gọi là VÔ LƯỢNG (APPAMĀṆĀ). Hơn nữa, những pháp này là pháp đối nghịch với Pháp Hữu lượng. Do nhân đó gọi là PHÁP VÔ LƯỢNG.

Tất cả pháp nào ĐỐI TRỊ với phiền não có Ái... = PHÁP VÔ LƯỢNG

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
ĐÁO ĐẠI
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 40 tâm Siêu thế
- * **Tưởng uẩn:** ts Tưởng hiệp với 40 tâm Siêu thế
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 40 tâm Siêu thế

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 40 tâm Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở + NB

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở + NB
- * **Ý thức giới:** 40 tâm Siêu thế

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Đạo đế:** 8 chi đạo trong 20 tâm Đạo
- * **Diệt đế:** Niết bàn

NGOẠI ĐẾ:

- + **4 (20) tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp** (36 ts hợp - 8 chi đạo)
- + **4 (20) tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp**

13/ TAM ĐỀ CẢNH THIỂU

PARITTĀRAMMAṆĀTIKA

Chiết bán mà Hữu dư

a/ Chư pháp có cảnh hy thiếu - PARITTĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp có cảnh đáo đại - MAHAGGATĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp có cảnh vô lượng - APPAMĀṆĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ

13a/ Chư pháp có cảnh hy thiếu - PARITTĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ

Những pháp nào có cảnh là pháp hy thiếu, do đó những pháp ấy gọi là pháp biết cảnh hy thiếu

CHI PHÁP: Có 2 trường hợp cho Tâm biết cảnh Hy thiếu

↳ **TÂM: 56 tâm Dục giới.**

a/ Nhất định: có 25 tâm (NST, 3 ý giới, 3 quan sát, 8 đại quả DG, 1 tiểu sinh tâm)

b/ Bất định: có 31 tâm (12BT, 1 KYM, 8 tâm đại thiện, 8 tâm duy tác, 2 tâm thông)

↳ **TÂM SỞ: 50 tâm sở (52ts – 2 VLP)**

a/ Nhất định: 33 sở hữu hợp (13TSTT, 20TSTH – 3 giới phần – 2VLP)

b/ Bất định: 50 tâm sở (52ts trừ 2VLP)

TẤT CẢ CÁC PHÁP CÓ CẢNH HY THIỂU TÍNH THEO

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

- * Thọ uẩn: ts Thọ hiệp với 56 tâm Dục giới
- * Tướng uẩn: ts Tướng hiệp với 56 tâm Dục giới
- * Hành uẩn: 48 tâm sở (50ts trừ Thọ, Tướng)
- * Thức uẩn: 56 tâm Dục giới

↳ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * Ý xứ: 56 tâm Dục giới
- * Pháp Xứ: 50 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**

- * Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
- * Ý giới: 2TT, KNM
- * Pháp giới: 50 tâm sở hợp
- * Ý thức giới: 43 tâm (56 tâm – NST – 3 Ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * Khổ đế: 56 tâm Dục giới + 49 tâm sở (50ts – ts Tham)
- * Tập đế: ts Tham

13b/ Chư pháp có cảnh đáo đại -

MAHAGGATĀRAMMAṆĀ
DHAMMĀ

những pháp nào có CẢNH là pháp Đáo đại, do đó những pháp ấy gọi là pháp biết cảnh Đáo đại

tất cả pháp Chân đế (thực tính) chỉ có cảnh là Pháp Đáo đại hay tất cả pháp thực tính làm cho pháp đáo đại thành cảnh hiện bày

CHI PHÁP: TÂM Có 2 trường hợp Nhất định và Bất định

↪ **TÂM: 37 tâm, trong đó:**

a/ **Nhất định:** có 6 tâm (3 thiền Thức vô biên xứ, 3 thiền Phi tưởng Phi phi tưởng xứ)

b/ **Bất định:** có 31 tâm (12BT, 1KYM, 8 tâm đại thiện, 8 tâm duy tác, 2 tâm thông)

↪ **TÂM SỞ: 47 tâm sở, trong đó:**

a/ **Nhất định:** 30 tâm sở hợp (13TSTT – Tâm, Tứ, Hỷ, 25TSTH – 3GP, 2VLP)

b/ **Bất định:** 47 tâm sở hợp (52ts trừ 3 giới phần, 2 VLP)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP CÓ
CẢNH
ĐÁO ĐẠI
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

* **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 37 tâm

* **Tưởng uẩn:** ts Tưởng hiệp với 37 tâm

* **Hành uẩn:** 45 tâm sở (47ts trừ Thọ, Tưởng)

* **Thức uẩn:** 37 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

* **Ý xứ:** 37 tâm Dục giới

* **Pháp Xứ:** 47 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

* **Pháp giới:** 47 tâm sở hợp

* **Ý thức giới:** 37 tâm Dục giới

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

* **Khổ đế:** 37 tâm Dục giới + 46 tâm sở (47ts – ts Tham)

* **Tập đế:** ts Tham

13c/ Chư pháp có cảnh vô lượng –

APPAMĀÑĀRAMMAÑĀ
DHAMMĀ

Những pháp nào có CẢNH là pháp vô lượng, do đó những pháp ấy là pháp biết cảnh Vô lượng

Tất cả pháp thực tính chỉ có cảnh là pháp vô lượng hay tất cả pháp thực tính làm cho pháp vô lượng thành cảnh hiện bày

CHI PHÁP: TÂM: có 2 trường hợp Nhất định và Bất định

↳ **TÂM: 19 tâm, trong đó:**

a/ Nhất định: có 8 tâm Siêu thế

b/ Bất định: có 11 tâm (1KYM, 4 đại thiện hợp trí, 4 duy tác hợp trí, 2 tâm thông)

↳ **TÂM SỞ: 36 tâm sở, trong đó:**

a/ Nhất định: 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH trừ 2VLP)

b/ Bất định: 33 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH trừ 3 Giới phần, 2 VLP)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP CÓ
CẢNH
VÔ
LƯỢNG
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

* **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 19 tâm

* **Tướng uẩn:** ts Tướng hiệp với 19 tâm

* **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tướng)

* **Thức uẩn:** 19 tâm

↳ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

* **Ý xứ:** 19 tâm

* **Pháp Xứ:** 36 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

* **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp

* **Ý thức giới:** 19 tâm

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

* **Khổ đế:** 11 tâm bất định + 33 tâm sở hợp

* **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 4 (20) tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

+ 4 (20) tâm Đạo hợp 28 t.sở hợp (36 ts – 8 chi đạo)

+ 4 (20) tâm Quả hợp 36 t.sở hợp

14.07.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/569460015153247>

14/ TAM ĐỀ TY HẠ -

HĪNATIKA

Chiết bán mà Vô dư

a/ Chư pháp Ty hạ - HĪNĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp Trung bình - MAJJHIMĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp Tinh lương - PAṆĪTĀ DHAMMĀ

14a/ Chư pháp Ty hạ
- HĪNĀ DHAMMĀ

Hīnā: hạ tiện, thấp kém, dơ bẩn, hèn hạ, đáng khinh ...

Tất cả pháp nào có đặc tính hạ tiện, thấp kém, dơ bẩn, hèn hạ, hạ tiện, đáng khinh ... là pháp ty hạ

Pháp ty hạ đồng nghĩa pháp bất thiện

↳ **TÂM:** 12 tâm bất thiện (8 tâm tham, 2 tâm sân, 2 tâm si)

↳ **TÂM SỞ:** 27 tâm sở (13TSTT, 14TSBT)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP TY
HẠ TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * Thọ uẩn: ts Thọ hiệp với 12 tâm BT
- * Tướng uẩn: ts Tướng hiệp với 12 tâm BT
- * Hành uẩn: 25 tâm sở (27ts trừ Thọ, Tướng)
- * Thức uẩn: 12 tâm BT

↳ **12 XỨ:** có 2 xứ, gồm:

- * Ý xứ: 12 tâm BT
- * Pháp Xứ: 27 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI:** có 2 giới, gồm:

- * Pháp giới: 27 tâm sở hợp
- * Ý thức giới: 12 tâm BT

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 2 đế, gồm:

- * Khổ đế: 12 tâm BT + 26 tâm sở hợp (27ts – ts Tham)
- * Tập đế: ts Tham

**14b/ Chư pháp
Trung bình**

MAJJHIMĀ
DHAMMĀ

Là pháp nằm giữa
pháp hèn hạ và tinh
lương

↳ **TÂM:** 69 tâm Hiệp thế (gồm 18 tâm VN, 24 tâm DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG)

↳ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)

↳ **SẮC PHÁP:** 28 sắc

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
TRUNG
BÌNH
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN:** có 5 uẩn, gồm:

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 69 tâm hiệp thế
- * **Tưởng uẩn:** t.sở Tưởng hiệp với 69 tâm hiệp thế
- * **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 69 tâm hiệp thế

↳ **12 XỨ:** có 12 xứ, gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 69 tâm Hiệp thế
- * **Pháp Xứ:** 38 tâm sở, 16 sắc tế

↳ **18 GIỚI:** có 18 giới, gồm:

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 38 tâm sở, 16 sắc tế
- * **Ý thức giới:** 56 tâm (69 tâm - NST - 3 ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ:** có 1 đế, gồm:

- * **Khổ đế:** 69 tâm Hiệp thế + 38 tâm sở + 28 sắc pháp

14c/ Chư pháp Tinh lương –

PAṆĪTĀ DHAMMĀ

Paṇitā: cao tột
Pháp gọi là tinh lương là Pháp cao tột, không biết no, là pháp Siêu thế

↪ **TÂM: 8 (40) tâm Siêu thế** (4 hoặc 20 tâm đạo; 4 hoặc 20 tâm quả)

↪ **TÂM SỞ: 36 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH trừ 2VLP)

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
TINH
LƯƠNG
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 8 (40) tâm Siêu thế
- * **Tưởng uẩn:** ts Tưởng hiệp với 8 (40) tâm Siêu thế
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 8 (40) tâm Siêu thế

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 2 xứ,** gồm:

- * **Ý xứ:** 8 (40) tâm Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở hợp, Niết bàn

↪ **18 GIỚI: có 2 giới,** gồm:

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp, Niết bàn
- * **Ý thức giới:** 8 (40) tâm Siêu thế

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế,** gồm:

- * **Diệt đế:** Niết bàn
- * **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 4 (20) tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

- + **4 (20) tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp** (36 tâm sở – 8 chi đạo)
- + **4 (20) tâm Quả hợp 36 tâm sở hợp**

15/ TAM ĐỀ TÀ -

MICCHATTA TIKA

Chiết bán mà Vô dư

a/ Chư pháp Tà cho quả nhất định - MICCHATTANIYATĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp Chánh cho quả nhất định - SAMMATTANIYATĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp Bất định - ANIYATĀ DHAMMĀ

15a/ Chư pháp Tà cho quả nhất định - MICCHATTANIYATĀ DHAMMĀ

những pháp tà nào cho quả liền trong kiếp kế, không bị độn lót, xen kẽ

↳ **TÂM: 6 tâm bất thiện** (gồm 4 tâm tham hợp tà kiến cố định, 2 tâm sân ngũ nghịch đại tội)

↳ **TÂM SỞ: 25 tâm sở** (13TSTT, 4 Si phần, 4 sân phần, ts Tham, ts Tà kiến, ts Hôn thụy)

sát na đồng lực thứ 7 cho quả ngay kiếp kế, với 4 tâm tham trong ung tà kiến, phát sanh do năng lực nghiệp tà kiến cố định

sát na đồng lực thứ 7 của 2 tâm sân phát sanh do năng lực của ngũ nghịch đại tội cho quả ngay kiếp kế

TẤT CẢ CÁC PHÁP TÀ CHO QUẢ NHẤT ĐỊNH TÍNH THEO

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn** (không tính Sắc uẩn), gồm:

- * Thọ uẩn: ts Thọ hiệp với 6 tâm BT
- * Tưởng uẩn: ts Tưởng hiệp với 6 tâm BT
- * Hành uẩn: 23 tâm sở (25ts trừ Thọ, Tưởng)
- * Thức uẩn: 6 tâm BT

↳ **12 XỨ: có 2 xứ**, gồm:

- * Ý xứ: 6 tâm BT
- * Pháp Xứ: 25 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI: có 2 giới**, gồm:

- * Pháp giới: 25 tâm sở hợp
- * Ý thức giới: 6 tâm BT

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế**, gồm:

- * Khổ đế: 6 tâm BT + 24 tâm sở hợp (25ts – ts Tham)
- * Tập đế: ts Tham

15b/ Chư pháp Chánh cho quả nhất định

SAMMATTANIYATĀ
DHAMMĀ

Pháp có trạng thái chân chánh tốt đẹp cho quả nhất định liên tiếp nhau không xen kẽ hở

↪ **TÂM: 20 tâm Đạo Siêu thế**

↪ **TÂM SỞ: 36 tâm sở (13TSTT, 25TSTH – 2VLP)**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
CHÁNH
CHO
QUẢ
NHẤT
ĐỊNH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ hiệp với 20 tâm đạo
- * **Tưởng uẩn:** ts Tưởng hiệp với 20 tâm đạo
- * **Hành uẩn:** 34 tâm sở (36ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 20 tâm đạo

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 20 tâm đạo Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 36 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 36 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 20 tâm đạo Siêu thế

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế, gồm:**

- * **Đạo đế:** 8 chi đạo trong 20 tâm đạo Siêu thế

NGOẠI ĐẾ:

+ 4 (20) tâm Đạo hợp 28 tâm sở hợp (36 ts – 8 chi đạo)

15c/ Chư pháp Bất định
ANIYATĀ DHAMMĀ

↪ **TÂM: 85 tâm** (gồm 12 tâm BT, 17 tâm thiện hiệp thế, 32 tâm quả hiệp thế, 4 tâm quả ST, 20 tâm duy tác)

12 tâm BT: 4 tham hợp tà kiến cố định, 2 sân ngũ nghịch đại tội nếu rơi vô nhất định thì mới là nhất định, còn nếu không liên hệ đến việc đó là thường thì sẽ bất định ngày giờ

17 tâm thiện hiệp thế (8 tâm thiện DG, 9 tâm thiện đảo đại): 9 tâm thiện đảo đại cho quả liền trong kiếp kế, tuy nhiên nó bất định vì nó có thể bị hư hoại bất kỳ lúc nào nếu phạm ngũ nghịch đại tội

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

↪ **SẮC PHÁP**

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BẤT
ĐỊNH
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tưởng uẩn:** tâm sở Tưởng
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 85 tâm tương ưng

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** có 85 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 16 sắc tế, NB

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức**
giới
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 16 sắc tế, NB
- * **Ý thức giới:** 72 tâm (85 tâm - NST - 3 ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BẤT
ĐỊNH
TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế (không có Đạo đế), gồm:**

* **Khổ đế:** 81 tâm Hiệp thế (trừ 4 Quả Siêu thế) + 51 tâm sở (52ts – ts Tham) + 28 sắc pháp

* **Tập đế:** tâm sở Tham

* **Diệt đế:** Niết bàn

* **NGOẠI ĐẾ:**

+ 4 (20) tâm Quả Siêu thế hiệp trong 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – 2VLP)

NGHIỆP TÀ KIẾN CÓ ĐỊNH - NIYATAMICCHĀDIṬṬHIKAMMA

có 3 loại:

+ Vô Hữu kiến (NATTHIKADIṬṬHI):

có sự thấy (kiến) rằng những chúng sanh nhận lấy sự tốt, xấu, đau khổ... trong kiếp sau không phải là kết quả nối tiếp từ hành động thiện hay phước gì trong kiếp hiện tại

+ Vô Nhân kiến (AHETUKADIṬṬHI):

sự tốt, xấu, an lạc, hạnh phúc, khổ đau... mà mình đang thọ nhận trong kiếp hiện tại cũng không phải là kết quả nối tiếp từ hành động thiện hay phước gì trong kiếp quá khứ, cho là tự nhiên mà có

+ Vô Hành kiến (AKIRIYADIṬṬHI):

thấy hành động của tất cả chúng sanh dù có làm tốt, xấu, thiện hay phước ... đều là tự nhiên, không phải là nhân quả

NGHIỆP NGŨ NGHỊCH - PAÑCĀNANTARIYAKAMMA: là 5 nghiệp bất thiện sẽ dẫn chúng sanh đi vào địa ngục một cách nhất định liền kề sau khi tử, không có xen hở.

Năm loại nghiệp đó là:

- + Giết mẹ - MĀTUGHĀTA,
- + Giết cha - PITUGHĀTA,
- + Giết A-la-hán - ARAHANTAGHĀTA,
- + Làm thân Phật chảy máu - LOHITTUPPĀDA,
- + Chia rẽ tăng đoàn - SAṄGHABHEDA.

Trong cả hai loại nghiệp đó, khi nói theo trường hợp có 8 loại: 3 tà kiến + 5 đại tội

Người nào phạm một nghiệp nào trong tất cả tám loại nghiệp này, khi chấm dứt mạng sống sẽ phải nhận quả của nghiệp đó ngay lập tức. Cho dù là người đó trước khi chết có xây tạo tháp cao bằng núi Sineru và có thỉnh được Đức Phật hay Đức Phật Độc Giác, thượng thủ Thịnh Văn, đại Thịnh Văn, Thịnh Văn phổ thông, chư Bhikkhu, sa-di trong tất cả thế giới này cho đến cúng dường tứ vật dụng đến mỗi vị cũng không thể giúp cho thoát khỏi được quả đã phạm phải.

Do nhân này, chi pháp của câu 1 cũng chỉ có nghiệp Tà Kiến Cố Định và nghiệp Ngũ nghịch.

Còn người dù đã phạm một trong ba hay cả 3 nghiệp tà kiến cố định này, sự cho quả của những nghiệp đó chắc chắn đều đồng nhau, không giới hạn là 1 nghiệp nào sẽ có cơ hội cho quả trước.

Còn người phạm cả 5 nghiệp ngũ nghịch đó, khi 1 nghiệp nào đã cho quả rồi thì nghiệp còn dư sót khác cũng là vô hiệu nghiệp (AHOSIKAMMA), nhưng dù sao đi nữa 5 nghiệp ngũ nghịch còn dư sót, là những vô hiệu nghiệp đó, không được gom vào trong chi pháp của câu 3, phải là chi pháp của câu 1 bởi vì việc cho quả của nghiệp ngũ nghịch là vô hiệu nghiệp này khi cho quả cũng phải cho theo thứ tự của tử trong kiếp đó, trở trong những thời khác không được.

Hơn nữa, **người phạm cả 5 nghiệp ngũ nghịch đó,** nếu chia rẽ tăng sẽ là nghiệp cho quả, những nghiệp khác sẽ là Vô Hiệu Nghiệp

Người phạm nghiệp chia rẽ tăng phải đủ cả 3 chi như sau:

1. Người chia rẽ tăng đó phải là Bhikkhu
2. Nhóm chư tăng bị chia rẽ đó phải là chư Bhikkhu.
3. Nhóm chư Bhikkhu đó đã bị chia rẽ nhau cho đến không chịu hành bố tát cùng nhau.

Khi đủ 3 chi này cũng thành tựu nghiệp chia rẽ tăng - SAṄGHABHEDAKAMMA

Nghiệp chia rẽ tăng như đã nói đây ắt hẳn cho quả nhất định trong thứ tự liên kế khi tử.

Nhưng dù sao đi nữa, hành động chia rẽ tăng nếu không đủ cả 3 chi này cũng ắt hẳn là **trọng nghiệp bất thiện**, nếu không đủ cả 3 chi thì chỉ là có thể cho quả bất định trong kiếp liên kế, ắt hẳn sẽ cho quả tùy vào khi nào có cơ hội.

Nếu một người nào không tạo nghiệp chia rẽ tăng, mà tạo bốn nghiệp còn lại, như làm thân Phật chảy máu sẽ dẫn đi vào cõi địa ngục trong kiếp liên kế.

Nếu không có nghiệp chia rẽ Tăng, chỉ có 3 nghiệp còn lại, như giết A-la-hán sẽ dẫn đi vào cõi địa ngục trong kiếp liên kế.

Nếu phạm 2 nghiệp là giết mẹ và giết cha, nghiệp sẽ cho quả ắt hẳn sẽ tùy thuộc vào mẹ hay cha:

* Ai là người có giới cao hơn:

- nếu mẹ có giới mà cha không có giới, nghiệp giết mẹ ắt hẳn có cơ hội trở quả,
- nếu cha có giới mà mẹ không có giới, nghiệp giết cha ắt hẳn có cơ hội trở quả,
- nhưng nếu cả cha và mẹ có giới ngang nhau hay không có giới ngang nhau, nghiệp giết mẹ sẽ trở quả trong kiếp liên kế.

** nếu người nào phạm cả 2 nghiệp là tà kiến cố định và nghiệp ngũ nghịch thì nghiệp tà kiến cố định sẽ là nhóm có cơ hội cho quả trong kiếp liên kế.

Nghiệp tà kiến cố định đó có chi pháp là: **4 tâm tương ưng tà kiến, 21 sở hữu hợp**; và nghiệp ngũ nghịch đó có chi pháp là: **2 tâm căn sân, 22 sở hữu hợp**.

Việc nói trong câu 1 rằng: chi pháp ấy là chỉ có duy nhất sát-na đồng lực thứ 7 cũng bởi vì sát-na đồng lực từ cái thứ 1 đến thứ 6 không có cơ hội cho quả trong kiếp liên kế, chỉ có đồng lực cái thứ 7 mới cho quả liên tiếp trong kiếp liên kế mà thôi.

**16/ TAM ĐỀ ĐẠO
THÀNH CẢNH**

**MAGGĀRAMMAṆA
TIKA**

Chiết bán mà Hữu
dư

a/ Chư pháp có đạo là cảnh -
MAGGĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp có đạo là nhân -
MAGGAHETUKĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp có đạo là trưởng -
MAGGĀDHIPATINO DHAMMĀ

**16a/ Chư pháp có
đạo là cảnh -
MAGGĀRAMMAṆĀ
DHAMMĀ**

+ Tất cả pháp Chân đế
chỉ có cảnh là đạo: lấy
tâm đạo làm cảnh cho
những tâm khác biết
tâm đạo đó.

+ Tất cả pháp Chân đế
làm cho đạo thành
cảnh hiện khởi

↪ **TÂM: 11 tâm** (gồm KYM, 4 tâm Thiện DG hợp
trí, 1 Thông thiện, 4 tâm Duy tác DG Hợp trí, 1
Thông tổ)

↪ **TÂM SỞ: 33 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH – 3 giới
phần, 2 vô lượng phần)

**CẢNH
(TÂM ĐẠO BỊ BIẾT)**

+ Tu đà hườn
đạo (*tâm sơ
đạo*): tâm biết
sơ đạo là
KYM, 4 thiện
DG hợp trí, 1
tâm thông là
của bậc Tu đà
hườn

+ Tu đà hườn
đạo (*tâm sơ
đạo*) và Tư đà
hàm (*tâm nhị
đạo*): tâm biết
sơ đạo, nhị đạo
là KYM, 4
thiện DG hợp
trí, 1 tâm
thông là của
bậc Tư đà hàm

+ Tu đà hườn,
Tư đà hàm, A
Na hàm: tâm
biết sơ đạo,
nhị đạo, tam
đạo là KYM, 4
thiện DG hợp
trí, 1 tâm
thông là của
bậc A na hàm

+ Tu đà hườn,
Tư đà hàm, A
Na hàm, A la
hán: tâm biết
sơ đạo, nhị
đạo, tam đạo
và tứ đạo là
KYM, 4 tâm
đại tổ tương
ung trí, 1 tâm
thông tổ là của
bậc A la hán

HOẶC NÓI CÁCH KHÁC

CẢNH LÀ TÂM ĐẠO BỊ BIẾT

TÂM BIẾT CẢNH

a/ Tu đà hườn đạo (sơ đạo)

a1/ KYM, 4 thiện DG hợp trí, 1 thông thiện của bậc Tu đà hườn

b/ Tu đà hườn và Tư đà hàm đạo

b1/ KYM, 4 thiện DG hợp trí, 1 thông thiện của bậc Tư đà hàm

c/ Tu đà hườn và Tư đà hàm và A na hàm đạo

c1/ KYM, 4 thiện DG hợp trí, 1 thông thiện của bậc A na hàm

d/ Tu đà hườn và Tư đà hàm, A na hàm và A la hán đạo

d1/ KYM, 4 duy tác DG hợp trí, 1 thông tổ của bậc A la hán

TẤT CẢ CÁC PHÁP CỐ ĐẠO LÀ CẢNH TÍNH THEO

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

- * Thọ uẩn: ts Thọ
- * Tưởng uẩn: ts Tưởng
- * Hành uẩn: 31 tâm sở (33ts trừ Thọ, Tưởng)
- * Thức uẩn: 11 tâm (KYM, 4 tâm Thiện DG hợp trí, 1 Thông thiện, 4 tâm Duy tác DG Hợp trí, 1 Thông tổ)

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * Ý xứ: 11 tâm
- * Pháp Xứ: 33 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * Pháp giới: 33 tâm sở hợp
- * Ý thức giới: 11 tâm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

- * Khổ đế: 11 tâm + 33 tâm sở hợp

**16b/ Chư pháp có
đạo là nhân -
MAGGAHETUKĀ
DHAMMĀ**

Hetu: Nhân. Tất cả pháp
có nhân là Đạo thì là Pháp
có Đạo là Nhân

MAGGAHETUKĀ

DHAMMĀ: là những pháp
NHÂN tương ứng thành
Đạo để.

Có 3 nhân trong tâm đạo:
vô Tham, vô Sân, vô Si.
Lấy nhân vô Si (chánh
kiến)

↪ **TÂM: 4 (20) tâm đạo Siêu thế**

↪ **TÂM SỞ: 35 tâm sở (13TSTT, 25TSTH – 2 vô
lượng phần – vô Si)**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP CÓ
ĐẠO LÀ
NHÂN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ
- * **Tưởng uẩn:** ts Tưởng
- * **Hành uẩn:** 33 tâm sở (35ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 4 (20) tâm đạo Siêu thế

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 4 (20) tâm đạo Siêu thế
- * **Pháp Xứ:** 35 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 35 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 4 (20) tâm đạo Siêu thế

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

- * **Đạo đế:** 7 chi đạo (trừ Chánh kiến) hợp trong 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

**+ 4 (20) tâm Đạo Siêu thế hiệp trong 28 tâm sở hợp
(13TSTT, 25TSTH – 2VLP – 7 chi đạo – Vô Si)**

11.08.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/1325109684755065>

**16c/ Chư pháp có
đạo là trưởng -
MAGGĀDHIPATINO
DHAMMĀ**

a/ tất cả Pháp mà duyên
thành cảnh trưởng, tức là
Đạo

↪ **TÂM: 11 tâm** (KYM, 4 đại thiện DG Hợp
trí, 4 duy tác DG Hợp trí, 2 tâm thông)

↪ **TÂM SỞ: 33 tâm sở hợp của mỗi bậc
Thánh quả biết đạo** (13TSTT, 25TSTH – 3
giới phần – 2VLP)

4 đại thiện hợp trí DG:

Lộ tâm: CB-CH-TT-CT- ĐẠO-QUẢ-QUẢ-H

Lộ phản khán: H-R-D-KYM-7J-H

CB-CH-TT-CT- ĐẠO-QUẢ-QUẢ-H& H-R-D-KYM-7J-H

b/ tất cả Pháp mà duyên
thành câu sanh trưởng,
tức là Đạo

35 tâm sở hợp (trừ Trí, Cần
đang làm trưởng)

+ CẦN: Cần trưởng

+ TRÍ: Thẩm trưởng (chánh
tinh tấn, chánh kiến)

↪ **TÂM: 4 (20) tâm đạo Siêu thế**

c/ tất cả pháp mà thành
Câu sanh trưởng duyên,
tức là Đạo, là Trí hay
Cần đang làm trưởng
mạnh

↪ **TÂM SỞ: 35 tâm sở hợp** (13TSTT,
25TSTH – 2VLP – Cần (hoặc Trí))

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP CỐ
ĐẠO LÀ
TRƯỜNG
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn (không tính Sắc uẩn), gồm:**

- * **Thọ uẩn:** ts Thọ
- * **Tướng uẩn:** ts Tướng
- * **Hành uẩn:** 31 tâm sở (33ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 11 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 11 tâm
- * **Pháp Xứ:** 33 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 33 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 11 tâm

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế (KHÔNG LẤY: Tập đế (ts Tham), Diệt đế (NB), Đạo đế (8 chi đạo):**

- * **Khổ đế:** 11 Tâm, 33 tâm sở hợp

NGOẠI TAM ĐỀ

Pháp mà không làm cho
Đạo thành cảnh tức Ngoại
tam đề

Có 2 nhóm:

a/ Nhất định

↪ **TÂM:** 12 tâm BT, 17 tâm VN (trừ KYM), 4 đại thiện ly trí DG, 8 đại quả DG, 4 duy tác ly trí DG, 15 tâm SG (trừ 2 thông), 12 tâm VSG, 4 tâm quả ST

↪ **TÂM SỞ:** 52 tâm sở hợp

b/ Bất định

↪ **TÂM:** KYM, 4 đại thiện DG Hợp trí, 4 Duy tác DG Hợp trí, 2 tâm thông

↪ **TÂM SỞ:** 38 tâm sở hợp

**28 sắc pháp
và Niết bàn
là Ngoại tam
đề**

**17/ TAM ĐỀ SINH
TỒN -**

UPPNANA TIKA

Chiết bán mà Hữu
dư

a/ Chư pháp sinh tồn - UPPANNĀ DHAMMĀ

**b/ Chư pháp phi sanh tồn - ANUPPANNĀ
DHAMMĀ**

c/ Chư pháp sẽ sanh - UPPĀDINO DHAMMĀ

**17a/ Chư pháp sinh
tồn**

UPPANNĀ DHAMMĀ

Uppannā: phát sanh
lên, đang sanh lên,
hiện đang, đang còn

Uppannā dhammā: là
những pháp đang sanh
mà chưa mất, hiện
đang còn... tức là trong
3 sát na sanh-trụ-diệt

↳ **TÂM: 89 (121) tâm**

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

↳ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tướng uẩn:** t.sở Tướng
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 89 (121) tâm

↳ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** 89 (121) tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 16 sắc tế

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * Nhân, Nhi, Tỷ, Thiệt, Thân giới
- * Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới
- * Nhân thức, Nhi thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
- * Ý giới: KNM, 2TT
- * Pháp giới: 52 tâm sở, 16 sắc tế
- * Ý thức giới: 76 tâm (89 tâm - NST - 3 ý giới)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế (không có Diệt đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 81 tâm Hiệp thế (trừ 4 Đạo 4 Quả) + 51 tâm sở (52ts - ts Tham) + 28 sắc pháp
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ :

- + **4 (20) tâm Đạo Siêu thế hiệp trong 28 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH - 2VLP - 8 chi đạo)**
- + **4 (20) tâm Quả Siêu thế hiệp trong 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH - 2VLP)**

**17b/ Chư pháp phi
sinh tồn -
ANUPPANNĀ
DHAMMĀ**

Tất cả pháp Chân đế không phải là quá khứ và không phải là đang sanh trong cả 3 sát na hiện tại

Chỉ lấy 53 tâm đồng lực (kể cả 3 duy tác vô nhân). Không lấy tâm quả vì tâm quả nghĩa là có rồi

↪ **TÂM: 53 tâm (12 tâm BT, 21 tâm thiện (8 thiện DGTH, 9 thiện đáo đại, 4 thiện ST), 20 tâm duy tác (3 duy tác VN, 8 duy tác DGTH, 9 duy tác đáo đại))**

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)**

↪ **SẮC PHÁP: 17 sắc Tâm, 15 sắc Quý tiết, 14 sắc vật thực (sẽ sanh)**

17 sắc tâm: 8 bất ly, cảnh thinh, giao giới, 2 biểu tri, 3 đặc biệt, sắc sinh, sắc tiến

15 sắc quý tiết: 8 bất ly, cảnh thinh, giao giới (hư không), 3 đặc biệt, sắc sinh, sắc tiến

14 sắc vật thực: 8 bất ly, giao giới (hư không), 3 đặc biệt, sắc sinh, sắc tiến

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHI SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** sắc tâm, Quý tiết, vật thực
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tướng uẩn:** t.sở Tướng
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 53 tâm

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHI SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↪ **12 XỨ: có 7 xứ, gồm:**

- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** 89 (121) tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 12 sắc tế (16 sắc tế - 2 sắc tính, sắc ý vật, sắc mạng quyền)

↪ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**

- * **Sắc, Thỉnh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 12 sắc tế
- * **Ý thức giới:** 52 tâm (53 tâm - KNM)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế (không có Diệt đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 49 tâm (53 tâm trừ 4 thiện Siêu thế) + 51 tâm sở (52ts – ts Tham), sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

+ **4 (20) tâm Đạo Siêu thế hiệp trong 28 tâm sở hợp**
(13TSTT, 25TSTH – 2VLP – 8 chi đạo)

25.08.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/honghatt.tran/videos/188651184116524>

**17c/ Chư pháp sẽ
sanh**

UPPĀDINO
DHAMMĀ

Tất cả pháp chân đế
hữu vi NHẤT ĐỊNH SẼ
SANH, SẼ HIỆN HỮU vì
có nhân đã thành tựu

↪ **TÂM: 36 (52) tâm quả** (15 tâm quả VN, 8 tâm quả DGTH, 9 tâm quả đáo đại, 4 (20) tâm quả ST)

↪ **TÂM SỞ: 38 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

↪ **SẮC NGHIỆP: 20 sắc** (18 sắc nghiệp + 2 sắc Sinh, Tiến)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
PHI SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 20 sắc nghiệp
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ
- * **Tướng uẩn:** t.sở Tướng
- * **Hành uẩn:** 36 tâm sở (38 ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 36 (52) tâm quả

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↪ **12 XỨ: có 11 xứ (không có Thịnh xứ - sắc do Tâm tạo),
gồm:**

- * Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ
- * Sắc, Khí, Vị, Xúc xứ (đất, lửa, gió)
- * Ý xứ: 36 (52) tâm quả
- * Pháp Xứ: 38 tâm sở, 9 sắc nghiệp tế (16 sắc tế trừ 2 biểu tri, 3 đặc biệt, dị, diệt)

↪ **18 GIỚI: có 17 giới (không có Thịnh giới), gồm:**

- * Nhân, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới
- * Sắc, Khí, Vị, Xúc giới
- * Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức
giới
- * Ý giới: 2TT
- * Pháp giới: 38 tâm sở, 9 sắc nghiệp tế
- * Ý thức giới: 40 tâm quả (52 tâm quả - NST - 2TT)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế:**

- * Khổ đế: 32 tâm quả Hiệp thế (trừ 4 Quả Siêu thế) + 35 tâm sở (38ts - 3 giới phân) + 20 sắc nghiệp

* **NGOẠI ĐẾ:**

**4 (20) tâm Quả Siêu thế hiệp trong 36 tâm sở hợp
(13TSTT, 25TSTH - 2VLP)**

**NIẾT BÀN là
NGOẠI TAM ĐỀ**

18/ TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

ATĪTATIKA

Chiết bán mà Hữu dư

a/ Chư pháp quá khứ - ATĪTĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp vị lai - ANĀGATĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp hiện tại - PACCUPPANNĀ DHAMMĀ

18a/ Chư pháp quá khứ

ATĪTĀ DHAMMĀ

Là những Pháp đã qua rồi

↪ **TÂM: 89 (121) tâm thuộc về thời quá khứ** (12 tâm BT, 18 tâm VN, 24 tâm DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG, 8 (40) tâm ST)

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
QUÁ
KHỨ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc pháp (đã diệt)
- * **Thọ uẩn:** sở Thọ hiệp với 89 tâm (đã diệt)
- * **Tưởng uẩn:** t.sở Tưởng hiệp với 89 tâm (đã diệt)
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 89 (121) tâm thuộc về thời quá khứ

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ** (đất, lửa, gió)
- * **Ý xứ:** 89 (121) tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 16 sắc tế

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 16 sắc tế
- * **Ý thức giới:** 76 tâm (89 tâm - NST - 3 ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
SINH
TỒN
TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế (không có Diệt đế), gồm:**

- * **Khổ đế:** 81 tâm Hiệp thể thuộc thời quá khứ (trừ 4 Đạo 4 Quả) + 51 tâm sở (52ts – ts Tham) + 28 sắc pháp
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 20 tâm đạo (đã diệt)

NGOẠI ĐẾ:

- + **4 (20) tâm Đạo Siêu thế hiệp trong 28 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – 2VLP – 8 chi đạo)**
- + **4 (20) tâm Quả Siêu thế hiệp trong 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – 2VLP)**

**18b/ Chư pháp vị lai -
ANĀGATĀ DHAMMĀ**

* **Tương tự như câu a**

**18c/ Chư pháp hiện
tại - PACCUPPANNĀ
DHAMMĀ**

**NIẾT BÀN là
NGOẠI TAM ĐỀ**

**19/ TAM ĐỀ CẢNH
QUÁ KHỨ -
ATĪTĀRAM
MANATIKA**

Chiết bán mà Hữu
dư

**a/ Chư pháp biết cảnh quá khứ -
ATĪTĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ**

**b/ Chư pháp biết cảnh vị lai -
ANĀGATĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ**

**c/ Chư pháp biết cảnh hiện tại -
PACCUPPANNĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ**

**19a/ Chư pháp biết
cảnh quá khứ -
ATĪTĀRAMMAṆĀ
DHAMMĀ**

- Là những Pháp biết
cảnh đã diệt qua rồi
- Có 6 tâm VSG biết
cảnh quá khứ nhất
định, còn lại ngoài ra
đều bất định (KVBS,
TVBX, VSHX, PTPPTX)

↪ **TÂM: 49 tâm, trong đó:**
+ Nhất định: 6 tâm VSG (gồm 3 tâm TVBX
(Thiện, Quả, Duy tác) và 3 tâm PTPPTX (Thiện,
Quả, Duy tác))
+ Bất định: 43 tâm (gồm 41 tâm DG (54 tâm DG
– NST – 3 Ý giới) + 2 tâm thông)

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**
+ Nhất định: 30 tâm sở (13TSTT – Tầm, Tứ, Hỷ;
25TSTH – 3 giới phần, 2 VLP)
+ Bất định: 52 tâm sở

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH
QUÁ
KHỨ
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:**
* Thọ uẩn: tâm sở Thọ hiệp với 49 tâm
* Tưởng uẩn: t.sở Tưởng hiệp với 49 tâm
* Hành uẩn: 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tưởng)
* Thức uẩn: 49 tâm (6 tâm VSG + 43 tâm)

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**
* Ý xứ: 49 tâm (6 tâm VSG + 43 tâm)
* Pháp Xứ: 52 tâm sở hợp

↪ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**
* Pháp giới: 52 tâm sở hợp
* Ý thức giới: 49 tâm (6 tâm VSG + 43 tâm)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**
* Khổ đế: 49 tâm (6 tâm VSG + 43 tâm), 51 tâm sở hợp
(52ts – ts Tham)
* Tập đế: tâm sở Tham

**19b/ Chư pháp biết
cảnh vị lai -**

**ANĀGATĀRAMMAṆĀ
DHAMMĀ**

- Những tâm biết pháp
chưa sanh, chưa hiện
hữu

- Tất cả Pháp đều
không nhất định

↳ **TÂM: 43 tâm** (gồm 41 tâm DG (54 tâm DG – NST – 3 Ý giới) + 2 tâm thông)

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**
+ Nếu lấy 2 tâm thông thì trừ Tầm, Tứ, Hỷ
(thuộc Ngũ thiền) và 2 VLP ($52ts - 5ts = 47$)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH VỊ
LAI TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:**

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 43 tâm
- * **Tướng uẩn:** t.sở Tướng hiệp với 43 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở ($52 ts$ trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 43 tâm (41 tâm DG + 2 thông)

↳ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 43 tâm (41 tâm DG + 2 thông)
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI: có 2 giới, gồm:**

- * **Pháp giới:** 52 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 43 tâm (41 tâm DG + 2 thông)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 43 tâm ($41DG + 2$ thông), 51 tâm sở hợp ($52ts - ts$ Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

**19c/ Chư pháp biết
cảnh hiện tại -
PACCUPPANNĀRAM
MAÑĀ DHAMMĀ**

Tâm biết cảnh đang
còn đang sanh

↳ **TÂM: 56 tâm** (54 tâm DG + 2 thông), trong đó:
+ Nhất định: 13 tâm (gồm NST, 3 ý giới)
+ Bất định: 43 tâm DG (41 tâm DG + 2 tâm thông)

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**
+ Nhất định: 10 tâm sở (13TSTT – Cần, Hỷ, Dục)
+ Bất định: 52 tâm sở

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH
HIỆN TẠI
TÍNH
THEO**

↳ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:**

- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 56 tâm
- * **Tướng uẩn:** t.sở Tướng hiệp với 56 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tướng)
- * **Thức uẩn:** 56 tâm (54 tâm DG + 2 thông)

↳ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 56 tâm (54 tâm DG + 2 thông)
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở hợp

↳ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**

- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** 2TT, KNM
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở hợp
- * **Ý thức giới:** 43 tâm (56 tâm – NST – 3 Ý giới)

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 43 tâm (41DG + 2 thông), 51 tâm sở hợp (52ts – ts Tham)
- * **Tập đế:** tâm sở Tham

**20/ TAM ĐỀ NỘI
PHẦN –**

AJJHĀTTĀ TIKĀ

Chiết bán mà Hữu
dư

a/ Chư pháp nội phần - AJJHATTĀ DHAMMĀ

**b/ Chư pháp ngoại phần - BAHIDDHĀ
DHAMMĀ**

**c/ Chư pháp nội ngoại phần -
AJJHATTABAHHIDDHĀ DHAMMĀ**

**20a/ Chư pháp nội
phần - AJJHATTĀ
DHAMMĀ**

↪ **TÂM: 121 tâm**

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)**

↪ **SẮC PHÁP: 28 sắc (trừ 1 sắc tính)**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
NỘI
PHẦN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 28 sắc
- * **Thọ uẩn:** tâm sở Thọ hiệp với 121 tâm
- * **Tưởng uẩn:** t.sở Tưởng hiệp với 121 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 121 tâm

↪ **12 XỨ: có 12 xứ, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân xứ**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc xứ (đất, lửa, gió)**
- * **Ý xứ:** 121 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 16 sắc tế

↪ **18 GIỚI: có 18 giới, gồm:**

- * **Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân giới**
- * **Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc giới**
- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức
giới**
- * **Ý giới:** KNM, 2TT
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 16 sắc tế
- * **Ý thức giới:** 108 tâm (121 tâm - NST - 3 ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
NỘI
PHẦN
TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế, gồm:**

* **Khổ đế:** 81 tâm (121 tâm trừ 40 tâm Siêu thế) + 51 tâm sở (52ts – ts Tham), 28 sắc pháp

* **Tập đế:** tâm sở Tham

* **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

+ 4 (20) tâm Đạo Siêu thế hiệp trong 28 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – 2VLP – 8 chi đạo)

+ 4 (20) tâm Quả Siêu thế hiệp trong 36 tâm sở hợp (13TSTT, 25TSTH – 2VLP)

20b/ Chư pháp

ngoại phần -

BAHIDDHĀ

DHAMMĀ

Giống câu 20a, và

thêm Niết bàn

↳ **TÂM: 121 tâm**

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)**

↳ **SẮC PHÁP: 28 sắc (trừ 1 sắc tính)**

↳ **NIẾT BÀN**

20c/ Chư pháp nội

ngoại phần -

AJJHATTABAHIDDHĀ

DHAMMĀ

Giống câu 20a

(không có Niết bàn)

↳ **TÂM: 121 tâm**

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)**

↳ **SẮC PHÁP: 28 sắc (trừ 1 sắc tính)**

15.09.2023 – Room PhatgiaonamtruyenNT

<https://www.facebook.com/hongnhatt.tran/videos/157900650695779>

<https://www.facebook.com/vuonhoachanhphap/videos/847539023407277>

**21/ TAM ĐỀ CẢNH
NỘI PHẦN -
AJJHĀTTĀ
RAMMAṆA TIKĀ**

Chiết bán mà Hữu
dư

**a/ Chư pháp biết cảnh nội phần -
AJJHATTĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ**

**b/ Chư pháp biết cảnh ngoại phần -
BAHIDDHĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ**

**c/ Chư pháp biết cảnh nội, ngoại phần -
AJJHATABAHIDDHĀRAMMAṆĀ DHAMMĀ**

**21a/ Chư pháp biết
cảnh Nội phần -
AJJHATTĀRAMMAṆĀ
DHAMMĀ**

Tâm có Nhất định và
Bất định

↪ **TÂM: 62 tâm, trong đó:**

+ **Nhất định:** 6 tâm VSG (gồm 3 thức VBX, 3PTPPTX (3 thức VBX chỉ biết cảnh KVBX, 3 PTPPTX chỉ biết cảnh VSHX)

+ **Bất định:** 56 tâm (gồm 2 tâm thông, 54 tâm DG (lúc bắt cảnh nội phần, lúc bắt cảnh ngoại phần) biết cảnh quá khứ, hiện tại, vị lai

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**

+ **Nhất định:** 30 tâm sở (13TSTT – Tầm, Tứ, Hỷ; 25TSTH – 3 giới phần, 2 VLP)

+ **Bất định:** 52 tâm sở (nếu chỉ tính 2 tâm thông thì có 49 tâm sở trừ t.sở Tật và 2 t.sở VLP)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH
NỘI
PHẦN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:**

* **Thọ uẩn:** t.sở Thọ hiệp 62 tâm

* **Tướng uẩn:** t.sở Tướng hiệp 62 tâm

* **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tướng)

* **Thức uẩn:** 62 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

* **Ý xứ:** 62 tâm (54 tâm DG, 2 thông, 3 thức VBX, 3 PTPPTX)

* **Pháp Xứ:** 52 tâm sở

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH
NỘI
PHẦN
TÍNH
THEO**

↪ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**
* Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
* Ý giới: 2TT, KNM
* Pháp giới: 52 tâm sở hợp
* Ý thức giới: 49 tâm (62 tâm – NST – 3 Ý giới)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 2 đế, gồm:**
* **Khổ đế:** 62 tâm + 51 tâm sở (52ts – ts Tham)
* **Tập đế:** tâm sở Tham

**21b/ Chư pháp biết
cảnh Ngoại phần -**

**BAHIDDHĀRAMMAṆ
Ā DHAMMĀ**

↪ **TÂM: 85 tâm, trong đó:**
+ Nhất định: 29 tâm (gồm 15 tâm SG, 3KVBX, 3VSHX, 8 tâm siêu thế)
+ Bất định: 56 tâm (gồm 2 tâm thông, 54 tâm DG)

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở**
+ Nhất định: 38 tâm sở (13TSTT, 25TSTH)
+ Bất định: 52 tâm sở

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH
NGOẠI
PHẦN
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 4 uẩn, gồm:**
* Thọ uẩn: tsở Thọ hiệp 85 tâm
* Tướng uẩn: t.sở Tướng hiệp 85 tâm
* Hành uẩn: 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tướng)
* Thức uẩn: 85 tâm

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**
* Ý xứ: 85 tâm (54 tâm DG, 2 thông, 15 tâm SG, 3KVBX, 3VSHX, 8 tâm siêu thế)
* Pháp Xứ: 52 tâm sở

↪ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**
* Nhân thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới
* Ý giới: 2TT, KNM
* Pháp giới: 52 tâm sở hợp
* Ý thức giới: 72 tâm (85 tâm – NST – 3 Ý giới)

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP
BIẾT
CẢNH
NGOẠI
PHẦN
TÍNH
THEO**

↳ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 3 đế, gồm:**

* **Khổ đế:** 77 tâm (85 tâm – 8 tâm ST) + 51 tâm sở (52ts – ts Tham)

* **Tập đế:** tâm sở Tham

* **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 20 tâm đạo

NGOẠI ĐẾ:

+ **4 (20) tâm Đạo Siêu thế hiệp trong 28 tâm sở hợp**
(13TSTT, 25TSTH – 2VLP – 8 chi đạo)

+ **4 (20) tâm Quả Siêu thế hiệp trong 36 tâm sở hợp**
(13TSTT, 25TSTH – 2VLP)

**21c/ Chư pháp biết
cảnh Nội, Ngoại
phần -**

AJJHATTABAHIDDHĀ
RAMMAÑĀ DHAMMĀ

Giống 2 câu 21a và
21b, lấy phần bất
định

↳ **TÂM: 56 tâm** (gồm 2 tâm thông, 54 tâm DG)

↳ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 25TSTH)

**22/ TAM ĐỀ HỮU
KIẾN**

SANIDASSANA TIKĀ

Chiết bán mà Vô dư

a/ Chư pháp hữu kiến hữu đối chiếu -
SANIDASSANASAPPAṬIGHĀ DHAMMĀ

b/ Chư pháp vô kiến hữu đối chiếu -
ANIDASSANASAPPAṬIGHĀ DHAMMĀ

c/ Chư pháp vô kiến vô đối chiếu -
ANIDASSANAAPPAṬIGHĀ DHAMMĀ

**22a/ Chư pháp hữu
kiến hữu đối chiếu -
SANIDASSANASAPPA
ṬIGHĀ DHAMMĀ**

CHI PHÁP: CẢNH SẮC

↪ **Sắc Uẩn**

↪ **Sắc Xứ**

↪ **Sắc Giới**

↪ **Khổ Đế**

**22b/ Chư pháp vô
kiến hữu đối chiếu -
ANIDASSANASAPPA
ṬIGHĀ DHAMMĀ**

**CHI PHÁP: 11 SẮC
THÔ**

↪ **5 sắc thần kinh**

↪ **sắc cảnh Thinh**

↪ **sắc cảnh Khí**

↪ **sắc cảnh Vị**

↪ **sắc cảnh Xúc (đất, lửa, gió)**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
KIẾN
HỮU
ĐỐI
CHIẾU
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 1 uẩn: Sắc uẩn**

↪ **12 XỨ: có 9 xứ, gồm: Nhãn xứ, Nhĩ xứ, Tỷ xứ, Thiệt xứ,
Thân xứ, Thinh xứ, Khí xứ, Vị xứ, Xúc xứ**

↪ **18 GIỚI: có 9 giới, gồm: Nhãn giới, Nhĩ giới, Tỷ giới,
Thiệt giới, Thân giới, Thinh giới, Khí giới, Vị giới, Xúc giới**

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 1 đế: Khổ đế (11 sắc thô)**

22c/ Chư pháp vô kiến vô đối chiếu -

ANIDASSANAPPAṬI
GHĀ DHAMMĀ

+ Pháp không thấy được và không đối chiếu được

+ Lấy hết pháp Chân đế, **trừ 12 sắc thô**

ANIDASSANAPPAṬIGHĀ DHAMMĀ: là những pháp thấy không đặng và cũng không gặp nhau bằng cách đối chiếu

↪ **TÂM: 121 tâm** (gồm 12 tâm BT, 18 tâm VN, 24 tâm DGTH, 15 tâm SG, 12 tâm VSG, 40 tâm ST)

↪ **TÂM SỞ: 52 tâm sở** (13TSTT, 14TSBT, 25TSTH)

↪ **SẮC PHÁP: 16 sắc tế**

↪ **NIẾT BÀN**

**TẤT CẢ
CÁC
PHÁP VÔ
KIẾN VÔ
ĐỐI
CHIẾU
TÍNH
THEO**

↪ **NGŨ UẨN: có 5 uẩn, gồm:**

- * **Sắc uẩn:** 16 sắc tế
- * **Thọ uẩn:** tsở Thọ hiệp với 121 tâm
- * **Tưởng uẩn:** t.sở Tưởng hiệp với 121 tâm
- * **Hành uẩn:** 50 tâm sở (52 ts trừ Thọ, Tưởng)
- * **Thức uẩn:** 121 tâm

NGOẠI UẨN: Niết bàn

↪ **12 XỨ: có 2 xứ, gồm:**

- * **Ý xứ:** 121 tâm
- * **Pháp Xứ:** 52 tâm sở, 16 sắc tế, Niết bàn

↪ **18 GIỚI: có 8 giới, gồm:**

- * **Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức giới**
- * **Ý giới:** 2TT, KNM
- * **Pháp giới:** 52 tâm sở, 16 sắc tế, Niết bàn
- * **Ý thức giới:** 108 tâm (121 tâm – NST – 3 Ý giới)

↪ **TỨ DIỆU ĐẾ: có 4 đế, gồm:**

- * **Khổ đế:** 81 tâm Hiệp thể (121 tâm – 40 tâm ST) + 51 tâm sở (52ts – ts Tham) + 16 sắc tế
- * **Tập đế:** tâm sở Tham
- * **Diệt đế:** Niết bàn
- * **Đạo đế:** 8 chi đạo hợp trong 20 tâm đạo (đã diệt)

NGOẠI ĐẾ:

- + **4 (20) tâm Đạo Siêu thể hiệp trong 28 tâm sở hợp** (13TSTT, 25TSTH – 2VLP – 8 chi đạo)
- + **4 (20) tâm Quả Siêu thể hiệp trong 36 tâm sở hợp** (13TSTT, 25TSTH – 2VLP)